

ĐỊA TẠNG BỒ TÁT

Biên soạn: HUYỀN THANH

Địa Tạng Bồ Tát tên Phạn là **Kṣiti-garbha**, dịch âm là **Tát Khất Xoa Đễ Nghiệt Bà**.

Kṣi là động từ mang nghĩa: chịu đựng, tồn tại, cư trú, ở

Kṣiti: nghĩa là trú xứ, nơi đang cư ngụ, căn nhà, đất trồng trọt, đất nước, quê hương, trái đất.

Garbha: nghĩa đen là *Tử cung, dạ con, có thai, thọ thai, tướng tượng, hình thành trong trí óc*. Nghĩa bóng là *cất chứa, ôm giữ*.

Kṣiti-garbha được dịch ý là **Địa Tạng**, tức là người ôm giữ trái đất hoặc **Mẫu Thể** của Đại Địa.

Do **đất** hay chuyên chở vạn vật, giúp cho vạn vật sinh sôi nảy nở, hàm chứa vô số nguồn lợi, tiền tài, vật báu...cho nên **Địa Tạng** là vị Bồ Tát biểu thị cho kho báu tiềm ẩn trong Đại Địa, hay chuyên chở mọi khổ nạn của tất cả chúng sinh, khiến cho họ phát triển căn lành, được tài bảo vô tận, tròn đủ **Phước Đức (Punya) Trí Tuệ (Prajñā)**.

Nếu người tu hành theo Pháp của Địa Tạng Bồ Tát thì có thể khiến cho ngũ cốc [Đại Mạch (Yava), Tiểu Mạch (Godhūma), Lúa gié (Śāli), Tiểu Đậu (Masūra), mè (Atasī)] đầy kho, kéo dài mạng sống, tránh mọi hiểm nạn, tròn đủ **tu lương (Sambhāra) Phước Trí** vượt thoát khỏi vòng sinh tử luân hồi

Tín Ngưỡng Địa Tạng được phát triển rất sớm trong các Tông Phái **Đại Thừa (Mahā-yāna)** ở **Ấn Độ (Thế Kỷ thứ 4)**

Khởi nguyên của Tín Ngưỡng Địa Tạng có thể được khai triển từ **Tín Ngưỡng Địa Thiên (Pṛthivi)**, tức là Địa Thần, Kiên Lao Địa Thần, Kiên Lao Địa Thiên, Trì Địa Thần. Đây là vị Thần cai quản Đại Địa, biểu thị cho Thể Tính của đất là *bền chắc chẳng động hay giúp cho vạn vật cư trú, lại có tác dụng hay giữ gìn vạn vật*.

Vị Thần này nguyên là vị **Thần Kỳ (Thần đất)** được sùng ngưỡng trong thời Ấn Độ cổ đại. Trong **Lê Câu Phệ Đà (Ṛg-veda)**, **A Thát Bà Phệ Đà (Artha-veda)** đều khen ngợi là vị Nữ Thần có đầy đủ Đức tốt đẹp (mỹ đức) như: sự vĩ đại, bền chắc, Tính chẳng bị diệt, nuôi dưỡng quần sinh, đất đai sinh sôi...

Hiện tượng **Tín Ngưỡng Địa Tạng** được phát triển từ **Tín Ngưỡng Địa Thiên** có thể được nhận biết qua hình tượng được ghi nhận trong Phật Giáo đời Thanh ở Trung Quốc là:



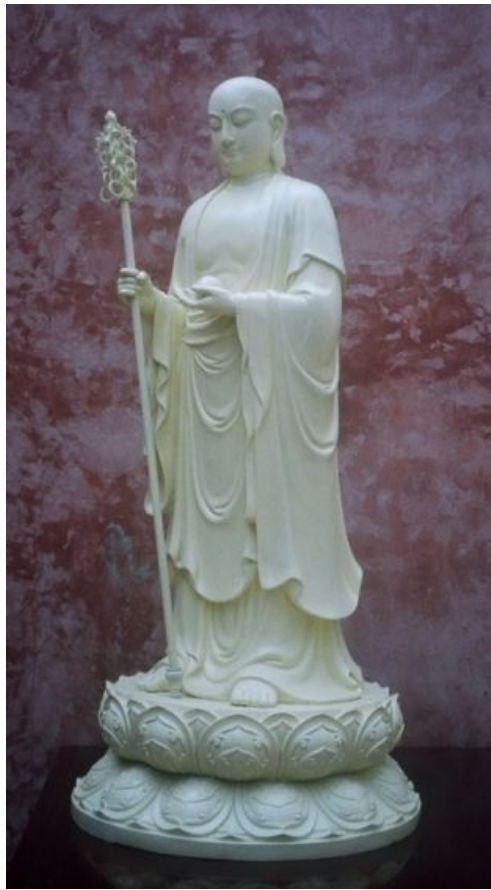
Đầu đội mào Trời, thân khoác áo lụa mỏng, đeo chuỗi Anh Lạc với các vật báu trang sức, tay trái cầm cây lúa (tượng trưng cho ngũ cốc phong phú), tay phải cầm viên ngọc Như Ý để ngang ngực (tượng trưng cho việc thỏa mãn mọi mong cầu của chúng sinh), ngồi trên tòa sen.



Do **Tín Ngưỡng Địa Tạng** không nhận được sự sùng mộ của dân Ấn Độ, nên đã mất dần các dấu tích.

Sau này, **Tín Ngưỡng Địa Tạng** theo bước chân những Tăng Đoàn truyền giáo Phật Giáo du nhập vào vùng Trung Á, trạm dừng chân đầu tiên là Turkestan. Từ đây một hình tượng phổ biến của Địa Tạng Bồ Tát là: *“Nhà sư cầm cây gậy hành hương với một viên ngọc Như Ý”* được phụng thờ như là vị Bồ Tát bảo vệ người lữ hành thoát khỏi mọi hiểm nguy. Hàng ngàn hình tượng Địa Tạng được tôn thờ trong những hang động tại vùng Lung-Men và Tun-Hoang đã minh họa cho Tín Ngưỡng này.





Khoảng Thế Kỷ thứ 5, **Tín Ngưỡng Địa Tạng** được phổ biến tại Trung Hoa qua Kinh **Đại Tạng Bồ Tát Thập Luân** (Daśa-cakra-Kṣitigarbha-sūtra) trong đó nêu lên những Đức Tính của Ngài.

.) Sau đời Tùy (581_618), Đường (618_917) thì **Tín Ngưỡng Địa Tạng** được sùng mộ hưng thịnh. Ví dụ như Đời Tùy y theo Kinh **Địa Tạng Thập Luân** (Daśa-cakra-Kṣitigarbha-sūtra) mà đề cao thuyết **Phổ Phật, Phổ Pháp** cùng với **Địa Tạng Bồ Tát Lễ Nghi Sám Pháp** và xưng là **Tam Gia Giáo**.

.) Đời Tống, **Thường Cẩn** có soạn một quyển sách ghi nhận 32 loại sự tích linh nghiệm liên quan đến Địa Tạng Bồ Tát từ đời Lương (502_557) đến đời Tống (960_1279). Do điều này mà **Tín Ngưỡng Địa Tạng** được phổ biến rộng rãi, người đời lúc bấy giờ đều lưu truyền, phỏng họa hình tượng của Bồ Tát Địa Tạng để trong Tự Viện hoặc Phật Đường của tư nhân mà lễ bái cúng dường. Nổi tiếng nhất là hình tượng Địa Tạng Bồ Tát được vẽ trên bức tường phía Đông của chùa **Thiện Tịch**, huyện Đức Dương, Hán Châu trong Đời Lương.

.) Lại nữa, Phật Giáo Trung Hoa còn xếp Địa Tạng Bồ Tát là một trong bốn vị Đại Bồ Tát (Văn Thù, Phổ Hiền, Quán Âm, Địa Tạng) ứng hóa giảng thuyết tại Đạo Tràng ở núi **Cửu Hoa** thuộc tỉnh **An Huy**.



Điện thờ **Địa Tạng Vương Bồ Tát** trên đỉnh núi **Cửu Hoa**

Tống Cao Tăng Truyện, quyển 20 ghi nhận rằng: “**Địa Tạng Bồ Tát** sinh hạ vào giòng Vương Tộc ở nước **Tân La**, tên là **Kim Kiều Giác** rồi xuất gia. Sau thời **Đường Huyền Tôn** thì đến Trung Hoa tu Đạo ở núi **Cửu Hoa**, ở 75 năm đến ngày 30 tháng 7 năm **Khai Nguyên** thứ 26, đời Đường thì viên tịch, thọ thế 99 tuổi. Vì nhục thân chẳng hư hoại nên đem toàn thân vào Tháp, tức là **Nhục Thân Điện** tại núi Cửu Hoa, tương truyền tức là nơi Địa Tạng Bồ Tát thành Đạo”. Từ sự tích này nên người dân Trung Hoa chọn ngày 30 tháng 7 Âm Lịch làm ngày Thánh Sinh của Địa Tạng Bồ Tát.

.) Đến đời Thanh (1644_1911) thì **Địa Tạng Bồ Tát** được xem là Bản Tôn chủ quản ngũ cốc phong phú đồng thời cũng chủ về sự kính ái, phù hộ cho gia đình hòa thuận.

.) Ngày nay, đại đa số người dân Trung Hoa đều cho rằng Địa Tạng Bồ Tát là vị Chủ Tể tối cao của Địa Ngục và xưng tán Ngài là **U Minh Giáo Chủ Đại Nguyệt Địa Tạng Vương Bồ Tát** cai quản mười điện Diêm Vương, tức là Bản Tôn chuyên cứu độ chúng sinh bị khổ đau trong cõi Địa Ngục.



Nguồn gốc của danh hiệu **Địa Tạng Bồ Tát** được nói ở trong Kinh **Địa Tạng Bồ Tát Thập Luân** (Daśa-cakra-Kṣitigarbha-sūtra) là: “An nhãn chẳng động giống như đại địa, lặng lẽ suy nghĩ ngầm biết kho tàng bí mật (Bí Tạng) cho nên gọi là **Địa Tạng**”

“*An nhãn chẳng động giống như đại địa*” là nói **Nhãn Ba La Mật** (Kṣānti-pāramitā) bậc nhất của Địa Tạng Bồ Tát, giống như đại địa (đất đai) hay chịu đựng chuyên chở mọi loại nghiệp tội của tất cả chúng sinh.

“*Lặng lẽ suy nghĩ*” trong câu “*Lặng lẽ suy nghĩ ngầm biết kho tàng bí mật*” là hiển rõ sự chẳng thể luận bàn của Trí Tuệ Thiên Định ấy

.) Kinh **Đại Phương Quảng Thập Luân**, quyển một nói rằng: “**Địa Tạng** có ý nghĩa là ẩn chứa (kho báu bị che giấu trong lòng đất)” tức là nói tất cả kho báu ngầm giấu kín trong lòng đất đều là Địa Tạng

.) **Cứu Cánh Nhất Thừa Bảo Tánh Luận**, quyển 4 ghi rằng: “Dùng kho tàng ẩn chứa trong lòng đất ví như hiển bày **Như Lai Tạng** (Tathāgata-garbha). Nhưng kho báu này, một phương diện là đại biểu cho **Phật Tánh** (Buddhatā) trong sạch không nhiễm bẩn của chúng sinh, hay khiến cho chúng sinh thành tựu viên mãn Phật Quả. Một phương diện khác là đại biểu cho Phước Đức, Trí Tuệ, Tài Bảo vô tận của sinh mệnh, cho nên **Địa Tạng** đại biểu cho tất cả kho tàng ẩn chứa Công Đức chẳng thể nghĩ bàn”.

Địa (đất) còn có bảy ý nghĩa đặc trưng là:

- 1_ Đất hay sinh ra vạn vật
- 2_ Đất thu nhiếp vạn vật
- 3_ Đất chuyên chở vạn vật
- 4_ Đất cất giữ nhiều kho tàng của cái vật chất
- 5_ Đất hay nuôi dưỡng giúp cho vạn vật tăng trưởng
- 6_ Đất hay nâng đỡ, là chỗ dựa của vạn vật

7_ Đất bền chắc vững vàng, chẳng động

Do đó dùng hình dạng cụ thể của **Đất** (địa) để biểu thị cho Phước Đức có được của Địa Tạng Bồ Tát là:

1_ Địa Tạng Bồ Tát hay sinh ra mọi Pháp lành

2_ Địa Tạng Bồ Tát hay thâm nhiếp mọi Pháp lành trong Tâm **Đại Giác**

3_ Địa Tạng Bồ Tát hay gánh vác tất cả chúng sinh, dìu dắt họ tiến dần trên con đường giác ngộ.

4_ Địa Tạng Bồ Tát hay cất giữ mọi Pháp màu nhiệm

5_ Địa Tạng Bồ Tát hay dùng mọi Pháp lành bình đẳng giúp cho mọi chúng sinh tăng trưởng Chính Pháp giải thoát.

6_ Địa Tạng Bồ Tát là chỗ dựa vững chắc của tất cả chúng sinh.

7_ Địa Tạng Bồ Tát hay hiển bày tâm Bồ Đề màu nhiệm, bền chắc như Kim Cương chẳng thể bị phá hoại.

Trong **Kinh** lại ghi rằng: "Địa Tạng Bồ Tát trụ ở **Kim Cương Bất Khả Hoại Hạnh Cảnh Giới Tam Muội**, giống như **Kim Cương Địa Luân** rất bền chắc chẳng thể phá hoại, cho nên hay trụ giữ vạn vật khiến cho chẳng lay động. Lại giống như trái đất hay ẩn chứa các loại kho tàng quý báu không có cùng tận, hàm chứa tất cả hạt giống, khiến cho chẳng mục nát, dần dần tươi tốt thêm.

Địa Tạng hay khiến cho đầy đủ tất cả Tâm Nguyên của chúng sinh thuộc Thế Gian và Xuất Thế Gian, là **thai mẹ** (Mẫu Thai) hay sinh ra chúng sinh để thành Phật.

Đại Địa ở ý nghĩa hiện tượng cụ thể trên, có đầy đủ tính chất đặc biệt là: Sinh trưởng, bền chắc, trụ giữ vạn vật, chẳng động, rộng lớn, cùng với thai mẹ có đầy đủ khả năng sinh ra tất cả kho báu. Do Địa Tạng Bồ Tát cũng có đầy đủ Phước Đức như vậy, cho nên dùng **Địa Tạng** để tác làm danh hiệu đó".

.) Phẩm **Tựa** của **Kinh Đại Phương Quảng Thập Luân**, quyển 1 và **Kinh Chiêm Sát Thiện Ac Nghiệp Báo**, quyển 1 ghi rằng: "Địa Tạng Bồ Tát do Thệ Nguyên Đại Bi ở đời quá khứ, nên thị hiện thành thân Đại Phạm Vương, thân Đế Thích, thân Thanh Văn, thân Diêm La Vương, thân sư tử, thân cọp, thân chó sói, thân bò, thân ngựa cho đến thân La Sát, thân Địa Ngục... vô lượng vô số thân khác loài để giáo hóa chúng sinh và đặc biệt là thuận theo niệem của chúng sinh, thọ nhận nỗi khổ đau ở đời ác năm Trược, tương ứng với điều mong cầu của chúng sinh giúp cho họ **tiêu Tai tăng Phước**. Do thành thực căn lành của chúng sinh mà Địa Tạng Bồ Tát biến hiện vô số Hóa Thân như vậy để cứu độ chúng sinh, nên lại được xưng là **Thiên Thể Địa Tạng**"

.) **Kinh Địa Tạng Bồ Tát Bản Nguyên** (Kṣitigarbha-praṇidhāna-sūtra), Phẩm **Phân Thân Tập Hội** ghi nhận lời phó chúc của Đức Thích Tôn, ở trong thời đại không có Phật, từ sau khi Đức **Phật Thích Ca** (Śākyamuni-buddha) viên tịch cho đến lúc Bồ Tát **Di Lặc** (Maitreya) thành Đạo, thời Địa Tạng sẽ làm vị Bồ Tát tự thể độ hết chúng sinh trong sáu nẻo mới thành tựu Nguyên. Do điều này mà **Địa Tạng Bồ Tát** là vị Bồ Tát có **Bi Nguyên** (Kāraṇa-praṇidhāna) đặc biệt sâu nặng.

Dựa vào Đức đặt biệt này mà Phật Giáo Đồ thường xưng tán Ngài là **Đại Nguyên Địa Tạng Vương Bồ Tát**.

.) Do trong **Kinh Địa Tạng Bồ Tát Bản Nguyên** (Kṣitigarbha-praṇidhāna-sūtra), có ghi nhận hai tiền thân của Địa Tạng Bồ Tát là: **Bà La Môn Nữ** và **Quang Mục Nữ** vì muốn cứu độ mẹ thoát khỏi nỗi khổ đau trong Địa Ngục mà chuyên tâm tu hành, thể cứu giúp mẹ với tất cả chúng sinh. Cho nên Phật Giáo Trung Quốc nhận định **Địa**

Tạng Bồ Tát Bốn Nguyên là Kinh *báo hiếu* của nhà Phật nhằm nhấn mạnh việc tu học bắt đầu từ sự hiếu kính cha mẹ, tôn trọng Thầy Tổ cho đến cứu giúp chúng sinh.

.) **Địa Tạng Bồ Tát** lại được xem như là kho tàng ẩn chứa các Công Đức vi diệu, đầy đủ các trân bảo giải thoát, giống như viên ngọc Như Ý tuôn mưa mọi tài bảo. Tùy theo sự mong cầu chẳng luận là cầu xin ngũ cốc được mùa hoặc là cầu Phước Đức, tiền của, giàu có đều khiến được mãn túc.

Kinh **Đại Thừa Đại Tập Địa Tạng Thập Luân** ghi rằng: "*Tùy theo chỗ ở. Nếu quần áo, thức ăn uống, đồ dùng hàng ngày của các hữu tình có chỗ thiếu thốn mà hay chỉ tâm xưng tên niệm tụng, quy kính cúng dường **Địa Tạng Bồ Tát**, thời tất cả đều được như Pháp mong cầu*".

Lại nói rằng: "*Hay thủ hộ cho Hành Giả tu học pháp môn của Địa Tạng Bồ Tát, khiến cho tất cả tiền của, quan vị chẳng thiếu thốn*".

Do điều này mà Địa Tạng Bồ Tát được xem là **Bản Tôn Tài Bảo**, hay khiến cho tất cả chúng sinh thỏa mãn mọi mong cầu, chẳng luận là cầu xin ngũ cốc được mùa hoặc cầu Phước Đức, tiền của, giàu có.

.) **Địa Tạng Bồ Tát** còn được xem là vị Thần bảo toàn đời sống qua tên gọi là **Diên Mệnh Địa Tạng** tức **Thân Hóa Hiện** bởi Thệ Nguyên của Địa Tạng Bồ Tát để khiến cho sống lâu làm lợi ích cho đời, hay tránh khỏi sự chết yểu, đoán mệnh có đủ Đức của Pháp khoẻ mạnh sống lâu.

Kinh **Địa Tạng Bồ Tát Bốn Nguyên** (Kṣitigarbha-praṇidhāna-sūtra), quyển Thượng, **Phẩm Như Lai Tán Thán** ghi chép rằng: "*Nếu có người nào mới sinh con trai hoặc con gái, nội trong bảy ngày, sớm vì đứa trẻ mới sinh ra đó mà đọc tụng Kinh Điển không thể nghĩ bàn này, lại vì đứa trẻ mà niệm danh hiệu của Ngài Địa Tạng Bồ Tát đủ một vạn biến. Được vậy thời đứa trẻ hoặc trai hay gái mới sinh ra đó, nếu đời trước nó đã gây tạo tội và chi cũng được thoát khỏi cả, nó sẽ an ổn vui vẻ dễ nuôi, lại thêm được sống lâu. Còn như nó là đứa nương nơi Phước Lực mà thọ sinh, thì đời nó càng được an vui hơn sống lâu hơn*".

.) Mật Giáo của Trung Hoa ghi nhận:

Địa Tạng Bồ Tát là Tôn Chủ của Địa Tạng Viện trong **Thai Tạng Giới Mạn Đà La** (Garbha-dhātu-maṇḍala), hiện hình Bồ Tát, tay trái cầm hoa sen, trên hoa có cây phượng báu Như Ý, tay phải cầm viên ngọc báu ngời trên hoa sen.

Trong **Kim Cương Giới Mạn Đà La** (Vajra-dhātu-maṇḍala) thì Địa Tạng Bồ Tát được ghi nhận qua tên gọi **Kim Cương Tràng Bồ Tát** (Vajra-ketu) là một trong bốn vị Bồ Tát thân cận của Đức **Bảo Sinh Như Lai** (Ratna-sambhava-tathāgata)

Căn cứ vào sự đề xuất của Kinh **Bát Đại Bồ Tát Man Đà La** thì Địa Tạng Bồ Tát là một trong tám vị Đại Bồ Tát gồm có: **Quán Tự Tại** (Avalokiteśvara), **Từ Thị** (Maitreya), **Hư Không Tạng** (Ākāśa-garbha), **Phổ Hiền** (Samanta-bhadra), **Kim Cương Thủ** (Vajra-pāṇi), **Văn Thù** (Maṃjuśrī), **Trừ Cái Chướng** (Sarva-nīvaraṇa-ṣṭkambhin), **Địa Tạng** (Kṣitigarbha) vây quanh Đức **Phật Thích Ca Mâu Ni** (Śākyamuni-buddha) biểu thị cho Pháp tu "**chuyển tám Thức** (Aṣṭau-vijñānāni) của chúng sinh thành **Tướng thanh tịnh màu nhiệm**". Tám vị Bồ Tát này cùng phụ giúp Đức Phật A Di Đà tiếp dẫn các chúng sinh về Thế Giới Cực Lạc

.) Do **Địa Tạng Bồ Tát** dùng sức **Bi Nguyên** cứu độ chúng sinh, nhất là đối với chúng sinh đang chịu khổ tại cõi Địa Ngục, lại đặc biệt thương xót, thị hiện thân **Diêm**

La Vương (Yama-rāja-kāya), thân **Địa Ngục** (Nakara-kāya) rộng vì chúng sinh chịu tội khổ mà nói Pháp để giáo hóa cứu độ. Do điều này mà thân Diêm La Vương thường được xem là một Hóa Thân (Nirmāṇa-kāya) của Địa Tạng Bồ Tát. Như Kinh **Địa Tạng Bồ Tát Phát Tâm Nhân Duyên Thập Vương** đề xuất **Bản Địa** của Diêm La Vương là Địa Tạng Bồ Tát.

Vì chịu ảnh hưởng sâu xa của tư tưởng này cùng với tư tưởng **Địa Ngục** (Nakara) trong Kinh **Địa Tạng Bồ Tát Bản Nguyên** (Kṣitigarbha-praṇidhāna-sūtra) nên dân gian Trung Hoa cho rằng Địa Tạng Bồ Tát là vị Chủ Tể tối cao của Địa Ngục.

Trong động **Thiên Phật ở Đôn Hoàng** có ghi nhận hình vẽ **Địa Tạng Thập Vương** tức hội các tượng của Địa Tạng Bồ Tát với mười vị vua Diêm La kèm theo lời văn minh họa. Hình vẽ này được tạo lập trong đời Tống, niên hiệu **Thái Bình Hưng Quốc**, năm thứ tám (983) nhằm nhấn mạnh rằng Ngài là “*Đấng giải thoát khỏi cực hình Địa Ngục*”

Chính tư tưởng bên trên đã khiến cho một số người ngộ nhận, cho rằng Địa Tạng Bồ Tát chỉ ở tại Địa Ngục để cứu độ chúng sinh trong Địa Ngục. Từ đây trong việc làm tang ma, Thanh Minh tảo mộ qua tiết Trung Nguyên, Pháp Hội Siêu Độ... thường cúng phụng Địa Tạng Bồ Tát để cầu đảo cho vong linh được siêu độ. Ngoài ra tại nghĩa địa, linh tháp hoặc gặp chiến loạn, sự cố, đất đang phát triển mà mọi người đều đi qua.... thường xây dựng Miếu bái tế Địa Tạng với hy vọng Địa Tạng Vương Bồ Tát bảo vệ người sống, siêu độ vong linh

Thật ra ở trong cả sáu nẻo, Ngài đều có năng lực giáo hóa tế độ. Điều đó được biểu thị qua sáu vị Địa Tạng, tức là Địa Tạng độ hóa chúng sinh trong sáu nẻo.

Tên của sáu vị Địa Tạng đều y theo **Thế Giới Sa Bà** (Sāha-loka-dhātu) có chúng sinh trong sáu nẻo mà nói. Thế Giới ở phương khác hoặc có bảy nẻo, hoặc năm nẻo... chẳng giống nhau thời Địa Tạng cũng y theo nhân duyên của mỗi phương để mỗi thị hiện ứng hóa.

.) Danh xưng của Địa Tạng trong sáu nẻo thời các Kinh Quỹ ghi chép chẳng giống nhau. Nhưng theo đại thể mà nói thì đều bắt nguồn ở **Đại Nhật Kinh Sớ**, quyển thứ năm là: Sáu vị Thượng Thủ (Ṣaḍa-pramukha) trong chín Tôn (Nava-nātha) của **Địa Tạng Viện** trong *Thai Tạng Giới* (Garbha-dhātu) tức là: **Địa Tạng** (Kṣitigarbha), **Bảo Xứ** (Ratnakāra), **Bảo Chưởng** (Ratna-pāṇi), **Tri Địa** (Dharanin-dhāra), **Bảo Ấn Thủ** (Ratna-mudrā-hasta), **Kiên Cố Ý** (Dṛḍhādhyāsaya). Trong đó

Địa Tạng Bồ Tát là Hóa Tôn của cõi Địa Ngục

Bảo Thủ Bồ Tát là Hóa Tôn của cõi Ngạ Quỷ

Bảo Xứ Bồ Tát là Hóa Tôn của nẻo Súc Sinh

Bảo Ấn Thủ Bồ Tát là Hóa Tôn của nẻo A Tu La

Tri Địa Bồ Tát là Hóa Tôn của cõi Người

Kiên Cố Ý Bồ Tát là Hóa Tôn của cõi Trời.

.) Kinh **Thập Vương** ghi nhận rằng:

1_ Dự Thiên Hạ Địa Tạng là Hóa Tôn của cõi Trời, tay trái cầm viên ngọc Như Ý, tay phải kết Thuyết Pháp Ấn

2_ Phóng Quang Vương Địa Tạng là Hóa Tôn của cõi Người, tay trái cầm cây Tích Trượng, tay phải tác Thí Vô Úy Ấn

3_ Kim Cương Tràng Địa Tạng là Hóa Tôn của cõi A Tu La, tay trái cầm cây phương Kim Cương, tay phải tác Thí Vô Úy Ấn

4_ Kim Cương Bi Địa Tạng là Hóa Tôn của cõi Súc Sinh, tay trái cầm cây Tích Trượng, tay phải tác Tiếp Dẫn Ấn

5_ **Kim Cương Mật Địa Tạng** là Hóa Tôn của cõi Nga Quý, tay trái cầm viên ngọc báu, tay phải tác Cam Lộ Ấn

6_ **Kim Cương Nguyên Địa Tạng** là Hóa Tôn của cõi Địa Ngục, tay trái cầm cây phượng Diêm Ma, tay phải tác Thành Biện Ấn.

.) Kinh **Liên Hoa Tam Muội** ghi nhận là:

1_ **Đàn Đà Địa Tạng** hay hóa độ nẻo Địa Ngục, tay cầm cây phượng đầu người [Đàn Đa (danda)dịch là Nhân Đầu Tràng]

2_ **Bảo Châu Địa Tạng** hay hóa độ nẻo Nga Quý, tay cầm viên ngọc báu

3_ **Bảo Ấn Địa Tạng** hay hóa độ nẻo Súc Sinh, duỗi bàn tay **Như Ý Bảo Ấn**

4_ **Tri Địa Địa Tạng** hay hóa độ nẻo Tu La, hay gìn giữ đại địa ủng hộ hàng Tu La

5_ **Trừ Cái Chướng Địa Tạng** hay hóa độ nẻo người, vì con người trừ sự che chướng của tám khổ

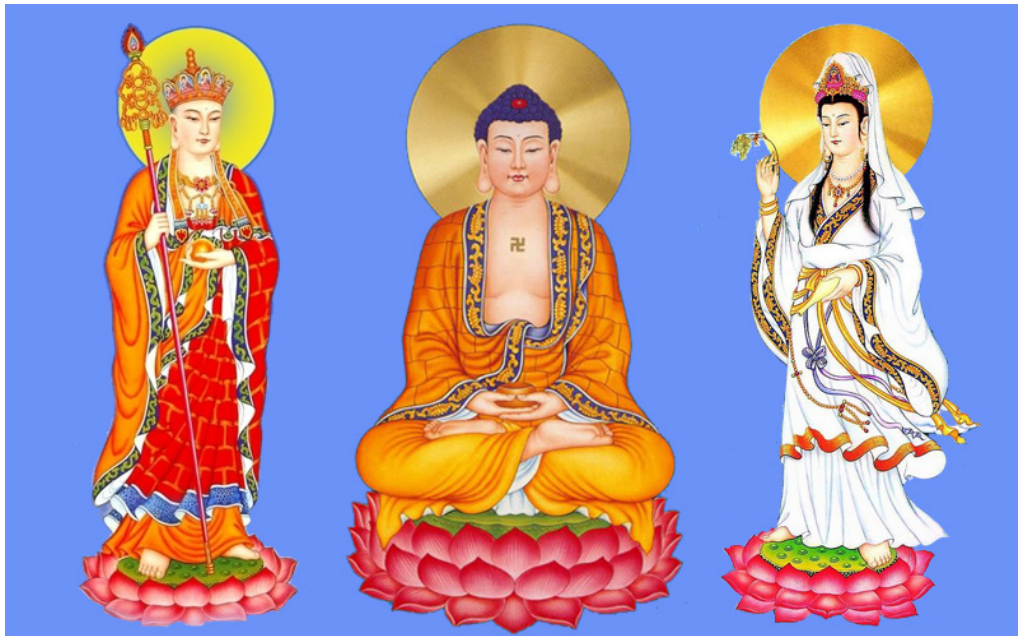
6_ **Nhật Quang Địa Tạng** hay hóa độ nẻo Trời, soi chiếu năm hiện tượng suy thoái của người Trời để trừ khổ não cho họ.

.) **Địa Tạng Bồ Tát Thánh Đức Tân Biên** ghi nhận 6 vị Địa Tạng là:

Hộ Tán Địa Tạng, Diên Mệnh Địa Tạng, Mâu Ni Địa Tạng, Tán Long Địa Tạng, Phá Thẳng Địa Tạng, Bất Hưu Tức Địa Tạng

Ngoài ra còn có thuyết ghi nhận là: Địa Tạng Bồ Tát cùng với các vị Bồ Tát Quán Âm (Avalokiteśvara), Đại Thế Chí (Mahā-sthāmaprāpta), Long Thọ (Nāgarjuna)...đều là các vị theo hầu Đức Phật **A Di Đà** (Amitābha-buddha) và xưng là **A Di Đà Ngũ Phật**. Cũng còn nói là khi Đức Phật A Di Đà còn là con người thì Bồ Tát **Pháp Tạng** (Dharmākara) với Bồ Tát **Địa Tạng** có cùng một Thể.

Người dân Trung Hoa thờ phụng Đức Phật **Thích Ca Mâu Ni** cùng với Tầm Thanh Cứu Khổ **Quán Thế Âm Bồ Tát**, Thệ Nguyên Độ Tận Chúng Sinh **Địa Tạng Bồ Tát** và hợp xưng là **Sa Bà Tam Thánh**



_ Sáu vị Sứ Giả của Địa Tạng:

Địa Tạng Bồ Tát Nghi Quỷ nói: “Sáu vị Sứ Giả của Địa Tạng Tôn là:

- 1_ **Diêm Ma Sứ Giả** (Yama-ceṭa): hóa độ Địa Ngục
- 2_ **Tri Bảo Đồng Tử** (Ratna-dhāra-kumāra): hóa độ Ngạ Quỷ
- 3_ **Đại Lực Sứ Giả** (Mahā-bala-ceṭa): hóa độ súc sinh
- 4_ **Đại Từ Thiên Nữ** (Mahā-maitreya-devī): hóa độ Tu La
- 5_ **Bảo Tạng Thiên Nữ** (Ratna-garbha-devī): hóa độ loài người
- 6_ **Nhiếp Thiên Sứ Giả** (Pratigrahadēva-ceṭa): hóa độ chư Thiên

Nghi Quỷ niệm tụng này, tuy chẳng do ngài Bất Không dịch. Xong cùng với nhóm **Diên Mệnh Địa Tạng Kinh, Liên Hoa Tam Muội Kinh** đều là Bản thuộc Nghi Tự Bộ.

_ Tại Tây Tạng, khoảng Thế Kỷ thứ 8, do sự phát triển của Mật Giáo nên Địa Tạng Bồ Tát được minh họa trong các bức tranh và các **Mạn Đà La** (Maṇḍala) như là một trong tám vị Bồ Tát vây quanh Đức Phật, biểu thị cho ý nguyện Từ Bi vĩ đại là:

*“Địa Ngục chưa trống rỗng
Thê Nguyên chẳng thành Phật
Khi độ hết chúng sinh
Mới chứng đắc Bồ Đề”*

Ngoài ra Phật Giáo Tây Tạng cũng nhận định Địa Tạng Bồ Tát là một trong các Bản Tôn Tài Bảo

_ Tại Nhật Bản, **Tín Ngưỡng Địa Tạng** bắt nguồn trong thời kỳ **Bình An** (Heian:794_1192) và được phát triển qua từng giai đoạn cho đến ngày nay như sau:

.) **Kim Tich Vật Ngữ Tập** ghi nhận Địa Tạng là vị Bồ Tát cứu độ chúng sinh trong đời hiện tại và dẫn dắt họ sang Thế Giới Cực Lạc (Sukhāvātī)

.) Bộ **Nhật Bản Linh dị Ký** tin rằng Địa Tạng là vị Bồ Tát cứu độ chúng sinh sau khi lâm chung.

.) Người dân Nhật Bản tin tưởng rằng Địa Tạng Bồ Tát chuyên cứu độ linh hồn của trẻ con bị chết yểu nên thường dựng các tượng đá **Jizō** (Địa Tạng) trong các nghĩa trang và khoác quần áo của trẻ con đã chết ấy lên bức tượng.



Dần dần Địa Tạng Bồ Tát được đồng hóa với **vua Diêm La** (Yama-rāja) và được xem là vị chủ tể của cõi U Minh, chuyên cứu độ tất cả chúng sinh trong cõi Địa Ngục. Như quyển **Bồ Đề Tâm Luận** của ngài **Trần Hải** cho rằng Địa Tạng Bồ Tát hóa hiện thành thân Phật hoặc thân Diêm La Vương để vào Địa Ngục cứu độ chúng sinh

Biểu tượng thường thấy nhất là tượng Địa Tạng Bồ Tát được tạo dựng trong các nghĩa trang của Phật Giáo hoặc các tranh tượng Địa Tạng qua hình nhà sư đi vào lửa ngục để giải cứu những linh hồn chịu khổ nạn.



.) Ngày nay tại Nhật Bản, Địa Tạng Bồ Tát được thờ phượng qua hình dáng nhà sư đầu trần chân đất, đi vào xã hội cứu độ chúng sinh ngay trong đời này chứ không phải ở chốn Địa Ngục.

Trong Thế Kỷ thứ 9, Tín Ngưỡng Địa Tạng được **Thiên Đài Tông** và **Chân Ngôn Tông** phổ biến qua hình tượng của sáu vị Địa Tạng.

Giác Thiền Sao ghi rằng:

1_ Đại Kiên Cố Địa Tạng là Hóa Tôn của cõi Trời, tay trái cầm viên ngọc báu, tay phải cầm quyền Kinh

2_ Đại Thanh Tịnh Địa Tạng là Hóa Tôn của cõi Người, tay trái cầm viên ngọc báu, tay phải kết Thí Vô Úy Ấn

3_ Thanh Tịnh Vô Cấu Địa Tạng là Hóa Tôn của cõi A Tu La, tay trái cầm viên ngọc báu, tay phải cầm rương Kinh Phạn

4_ Đại Quang Minh Địa Tạng là Hóa Tôn của cõi Súc Sinh, tay trái cầm viên ngọc báu, tay phải cầm Như Ý

5_ Đại Đức Thanh Tịnh Địa Tạng là Hóa Tôn của cõi Ngạ Quỷ, tay trái cầm viên ngọc báu, tay phải tác Dữ Nguyên Ấn.

6_ Đại Định Trí Bi Địa Tạng là Hóa Tôn của cõi Địa Ngục, tay trái cầm cây Tích Trượng, tay phải cầm viên ngọc báu.

Hoặc sáu hình tượng Địa Tạng là sáu Hóa Tôn của sáu nẻo đã được ghi nhận trong **Đại Nhật Kinh Sớ**

Ngoài sáu hình tượng trên, Nhật Bản còn lưu truyền nhiều hình tượng Địa Tạng khác là:

_ **Pháp Tính Địa Tạng**: Còn gọi là **Bất Hưu Tức Địa Tạng**



_ **Địa Trì Địa Tạng (Jiji Jizō)**: Còn gọi là **Hộ Tán Địa Tạng**



_ **Bảo Tính Địa Tạng**: Còn gọi là **Phá Thắng Địa Tạng**



_ **Pháp Ấn Địa Tạng**: Còn gọi là **Tán Long Địa Tạng**



_ **Đà La Ni Địa Tạng**: Còn gọi là **Biện Ni Địa Tạng**



_ **Long Quy Địa Tạng**: Còn gọi là **Diên Mệnh Địa Tạng** hay **Quang Vị Địa Tạng**



Dự Thiên Địa Tạng (Yotenga Jizō): Tay trái cầm viên ngọc Như Ý, tay phải tác Thuyết Pháp Ấn, cứu độ nẻo Trời Người.



Phóng Quang Vương Địa Tạng (Hōkō-ō- Jizō): Tay trái cầm cây Tích Trượng, tay phải tác Dĩ Nguyện Ấn, giúp cho Ngũ Cốc được mùa



Kim Cương Tràng Địa Tạng (Kongōtō Jizō): Tay trái cây phướn Kim Cương, tay phải tác Thí Vô Úy Ấn, cứu độ nẻo Tu La



Kim Cương Bi Địa Tạng (Kongōhi Jizō): Tay trái cầm cây Tích Trượng, tay phải tác Dẫn Tiếp Ấn, cứu độ nẻo Súc Sinh



Kim Cương Bảo Địa Tạng (Kongōhō Jizō): Tay trái cầm viên ngọc báu, tay phải tác Cam Lộ Ấn, cứu độ nẻo Quỷ đói



Kim Cương Nguyên Địa Tạng (Kongōgan Jizō): Tay trái cầm cây phượng Diêm Ma, tay phải tác Thành Biện Ấn, vào Địa Ngục cứu khổ



_ **Khỏa Địa Tạng:** (Hadaka Jizō: Địa Tạng lỏa thể)



Trường hợp đặc biệt, Địa Tạng Bồ Tát cũng có thể mang hình tượng một bà già qua tên gọi **Mẫu Địa Tạng** (Uba Jizō)

Hoặc mang hình tượng của người nữ với tên gọi là **Tử Dục Địa Tạng** (Kosodate Jizō) được kêu cầu như vị Thần bảo vệ và nuôi lớn trẻ con

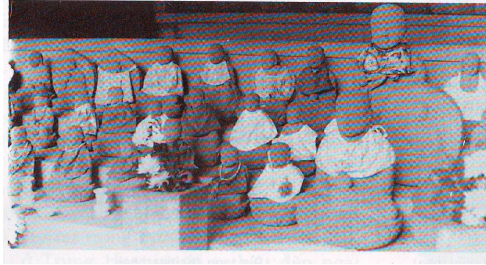


_ **Tử An Địa Tạng** (Koyasu Jizō): giúp cho phụ nữ sinh đẻ và nuôi con dễ dàng.



Tín Ngưỡng này đã thâm nhập vào Tín Ngưỡng Dân Gian từ sau thời đại **Khiếm Thương** (Kamakura: 1192_1336) tức lấy sự thị hiện của Bồ Tát Địa Tạng ở vùng **Tắc Hà** là vị cứu hộ trẻ con, giúp phụ nữ sinh đẻ dễ dàng... và có vẽ hình, ca vịnh tán tụng.

Tại Kiyomizu ở Kyoto có dựng tượng Jizō (Địa Tạng) là nơi dùng để tưởng niệm những đứa trẻ bị chết yểu.



_ **Thủy Tử Địa Tạng** hay **Áu Thủy Địa Tạng** (Mizuko Jizō): Giúp cho những vong linh trẻ con chết yểu hoặc chết trong thai mẹ...được an lành. Do điều này mà tượng Địa Tạng Bồ Tát thường được đặt dọc theo bờ sông Sai-no-Kawara nhằm giúp cho những vong linh chết trẻ, thoát khỏi mọi hình phạt, sớm được siêu thoát. Hoặc thiết lập các nghi lễ cầu siêu cho trẻ con bị chết khi người mẹ bị sảy thai hay phá thai....

Hình tượng Mizuko Jizō tại chùa Chōsenji (Trường Tuyền Tự)



Người dân Nhật Bản tin tưởng rằng Địa Tạng Bồ Tát có rất nhiều quyền năng như đi chuyên, bay, nói hoặc nhổ gai khỏi chân những kẻ lữ hành... Từ đó vô số Tín Ngưỡng Dân Gian đã gắn liền với Địa Tạng như:

_ **Thích Phi Địa Tạng** (Togenuki Jizō): hay giúp cho người lữ hành nhổ gai góc đâm vào chân



_ **Thường Thí Địa Tạng** (Ajimi Jizō): hay giúp cho các vị tu sĩ chuẩn bị các món ăn đặc biệt ở nhà bếp



_ **Cốc Đoàn Bính Địa Tạng** (Botamochi Jizō): hay giúp cho nhà nông có các cái bánh hình tròn để ăn trong thời gian gieo trồng lúa mạ.

_ **Tỵ Thủ Địa Tạng** (Hanatori Jizō): chăm sóc ngựa và gia súc

_ **Hỏa Tiêu Địa Tạng** (Hikeshi Jizō) hay **Hỏa Phần Địa Tạng** (Hitaki Jizō): bảo vệ nhà cửa, ruộng vườn tránh khỏi hỏa hoạn

_ **Thủy Dẫn Địa Tạng** (Mizuhiki Jizō): mang nước đến giúp cho lúa mạ, cây cối tăng trưởng

_ **Vũ Khất Kỳ Địa Tạng** (Amagoi Jizō): Cầu đảo xin trời mưa

_ **Lập Sơn Địa Tạng** (Tachiyama Jizō): tạo làm nơi chốn cho phụ nữ nông dân nghỉ ngơi

_ **Điền Thực Địa Tạng** (Taue Jizō): giúp cho ngũ cốc được mùa

_ **An Sản Địa Tạng** (Anzan-Jizō): giúp cho phụ nữ sinh đẻ dễ dàng



_ **Nhật Hạng Địa Tạng** (Higiri Jizō): giúp cho con người tránh khỏi Thiên Tai

_ **Tâm Bình Địa Tạng** (Shinpei Jizō): giúp cho linh hồn của con người được an bình

_ **Đạo Dẫn Địa Tạng** (Michibiki Jizō): bảo vệ, chỉ đường cho những người đi trong vùng hoang vắng hiểm trở

_ **Thắng Quân Địa Tạng** (Shokōgun Jizō): Giúp cho chiến thắng và bình an trong trận mạc



_ **Diên Mệnh Địa Tạng** (Enmei Jizō): giúp cho con người mạnh khỏe sống lâu, không bị bệnh tật.



_ **Du Huyền Địa Tạng** (Aburakake Jizō): chữa trị bệnh tật cho con người



- _ **Bảo Ân Địa Tạng** ((Hōin Jizō): Cứu độ súc sinh
- _ **Phóng Quang Vương Địa Tạng** (Hōkō-ō- Jizō) hoặc **Kiên Cố Ý Địa Tạng** (Kenko-i- Jizō) hoặc **Nhật Quang Địa Tạng** (Nikkō Jizō): Cứu độ hàng Trời
- _ **Bảo Xứ Địa Tạng** (Hōsho Jizō): Cứu độ A Tu La
- _ **Bảo Chưởng Địa Tạng** (Hōshō Jizō): Cứu độ Quỷ đói

Trì Địa Địa Tạng (Jiji Jizō) hoặc **Trừ Cái Chướng Địa Tạng (Jogaishō Jizō)**: Cứu độ loài người

– **Bảo Châu Địa Tạng (Hōju Jizō)**: Cứu độ nẻo Địa Ngục

– **Hỏa Phục Địa Tạng (Hifuse Jizō)**: ngăn chặn nạn núi lửa. Biểu hình là các Tượng Địa Tạng được dựng gần núi lửa Chasudake tại Nhật



Ngoài ra Địa Tạng Bồ Tát còn được thờ phụng qua nhiều tên gọi như sau:

– **Đàn Đà Địa Tạng (Danda Jizō)**

– **Nê Túc Địa Tạng (Doroashi Jizō)**

– **Phúc Đới Địa Tạng (Hara-Obi Jizō)**

– **Bị Mạo Địa Tạng (Hibō Jizō)**

– **Hắc Địa Tạng (Kuro Jizō)**

– **Không Thủ Địa Tạng (Karate Jizō)**

– **Lạp Địa Tạng (Kasa Jizō)**

– **Khái Chi Địa Tạng (Sekidome Jizō)**

– **Thúc Tử Địa Tạng (Tawashi Jizō)**

– **Lung Địa Tạng (Tsunbo Jizō)**

– **Thủ Điền Địa Tạng (Yata Jizō)**

– **Thủ Chân Địa Tạng (Kubifuri Jizō)**

Người dân Nhật thường khắc hình tượng của Địa Tạng Bồ Tát trên đá hoặc dùng đá tảng, cắt xẻ đục đẽo đơn sơ rồi dựng hình tượng của Ngài trên các bệ đá dựng ở ven đường, cổng ra vào của làng mạc, nơi hoang vắng nguy hiểm... nhằm bảo vệ cho làng mạc và khách lữ hành.





Riêng ở Tokyo có hơn 500 bức tượng Jizō (Địa Tạng) được dựng dọc theo nhiều tuyến đường



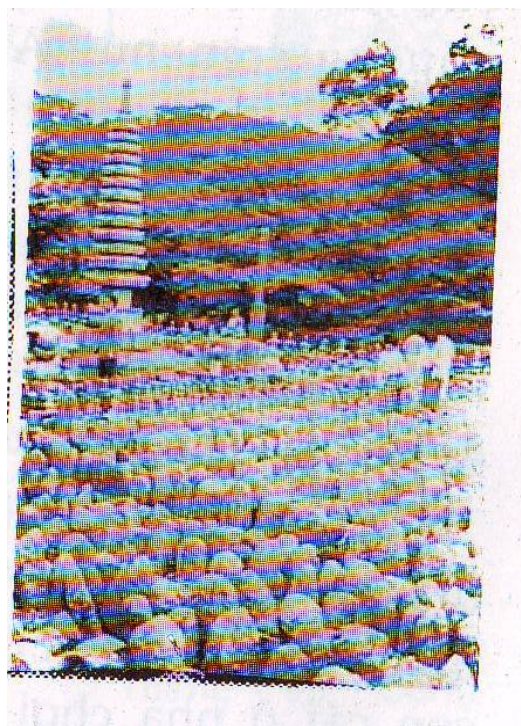
Do người Nhật tin tưởng Địa Tạng là vị Bồ Tát giám hộ trẻ thơ, nên thường cho trẻ con chơi đùa quanh, gần một bức tượng Địa Tạng với niềm tin là Ngài sẽ trông coi và bảo vệ cho lũ trẻ.





Phật Giáo Nhật Bản chọn ngày 24 tháng bảy theo Lịch của Nhật Bản là ngày vía của Địa Tạng Bồ Tát và chọn ngày 23, 24 tháng tám làm ngày lễ hội **Địa Tạng Bồn** (còn gọi là ngày truyền thống của trẻ thơ), nhằm nhắc nhở đến sự mệnh thiêng liêng của Ngài là bảo vệ trẻ thơ vượt qua giai đoạn khó khăn nhất của đời người.

Nhiều chùa ở Nhật Bản có dựng một dãy tượng Địa Tạng bằng đá đẽo thô mộc, gọi là Sentai Jizō (ngàn thân Địa Tạng)





Do Bản Tính *khoan hòa, từ ái* của Địa Tạng Bồ Tát kèm với hình tướng nhà sư, khiến Ngài có vẻ gần gũi với dân gian hơn là vị Thần khác. Ngài được gắn liền với Đức Phật A Di Đà cùng với Bồ Tát Quán Âm thì được xưng tán là “**Nhất Phật Nhị Bồ Tát**”.

Đôi khi, Địa Tạng Bồ Tát còn được biểu thị như là một chiến binh của Thần Đạo Nhật Bản được đồng hóa với **Atago Gongen** (vị Thần bảo vệ khỏi bị lửa đốt, là một Nhập Thể tạm thời của **Jizi** được thờ phụng trên núi Atago thuộc tỉnh Kyoto) với hình dáng một chiến tướng ngồi trên lưng ngựa, tay cầm cây gậy hành hương và viên ngọc ước. Thần Thú của Thần **Atago Gongen** là con lợn rừng, biểu tượng cho sức mạnh, lòng dũng cảm và ý chí kiên cường...nhằm giải cứu cho những chiến binh thoát khỏi mọi tình huống khó khăn nguy cấp hoặc tránh sự gây hại của lợn rừng.



Tại Việt Nam, **Tín Ngưỡng Địa Tạng** được phát triển song hành với sự phát triển của Phật Giáo. Tuy nhiên phần lớn người dân Việt thường chuyên tụng Kinh **Địa Tạng Bồ Tát Bản Nguyện** với mục đích cầu siêu cho ông bà, cha mẹ, con cái, họ hàng thân thuộc... tức chịu ảnh hưởng sâu xa của tư tưởng cho rằng **Địa Tạng Bồ Tát** là vị Chủ Tể tối cao của Địa Ngục, Giáo Chủ của cõi U Minh... chứ không hề biết rằng **Địa Tạng Bồ Tát** không chỉ độ hóa chúng sinh trong cõi Địa Ngục, mà còn giúp đỡ bảo vệ cho sinh mệnh của chúng sinh, an dân trấn quốc, viên mãn Phước Trí ngay trong đời hiện tại.

) Kinh **Địa Tạng Bồ Tát Bản Nguyện** (Kṣitigarbha-praṇidhāna-sūtra), quyển Thượng, Phẩm **Đạo Lợi Thiên Cung Thần Thông** ghi rằng: “Vào kiếp lâu xa trong thời quá khứ, Địa Tạng Bồ Tát là con của một vị Đại Trưởng Giả. Nhân thấy tướng tốt trang nghiêm của Đức **Sư Tử Phấn Tấn Cụ Túc Vạn Hạnh Như Lai** mà phát sinh tâm kính ngưỡng, nói rằng để chứng đắc được tướng trang nghiêm này mà phát Nguyện cho đến hết các kiếp chẳng thể tính đếm, ở đời vị lai **độ thoát tội khổ của chúng sinh trong sáu nẻo**”

Lại ghi rằng: “Một trong các kiếp trong a tăng kỳ kiếp chẳng thể nghĩ bàn, Địa Tạng Bồ Tát là người nữ thuộc giòng Bà La Môn, vì cứu độ mẹ thoát khỏi Địa Ngục đã thay mẹ cúng dường tu Phước và phát Nguyện cho đến hết kiếp vị lai đều rộng cứu độ tội khổ của chúng sinh”

) Trong Phẩm **Diêm Phù Chúng Sinh Nghiệp cảm** của Kinh trên cũng ghi nhận hai thuyết là:

– “Vào thời lâu xa trong quá khứ, Địa Tạng Bồ Tát làm vua của một nước. Do thấy người dân trong nước tạo nhiều tội ác, nên đã phát Nguyện độ hết tội của các chúng sinh, đều đến Bồ Đề. Nếu chẳng như vậy thì không thành Phật”

– “Ở một kiếp lâu xa trong quá khứ, Địa Tạng Bồ Tát là một người nữ tên là **Quang Mục**. Do mẹ của nàng bị đọa vào Địa Ngục nên Quang Mục vì muốn cứu độ mẹ, đã phát Nguyện cứu giúp nhờ bứt tất cả tội khổ của chúng sinh, đợi cho chúng sinh thành Phật rồi, sau đó mình mới thành Chính Giác”

Các Thuyết ghi trên đều tùy theo Tín Ngưỡng **Địa Tạng** mà rộng truyền trong dân gian, cho nên trong Phật Giáo thường dùng các câu:

– “Địa Ngục chưa trống rỗng
Thê Nguyện chẳng thành Phật
Khi độ hết chúng sinh
Mới chứng đắc Bồ Đề”

– “Ta chẳng vào Địa Ngục thì ai vào Địa Ngục ?”

Đề hình dung lời Nguyện rộng lớn thuộc Tâm Từ Bi thương xót của Địa Tạng Bồ Tát.

) Kinh **Địa Tạng Bồ Tát Bản Nguyện**, Phẩm **Địa Thần Hộ Pháp** đề cập đến mười điều lợi ích của việc cúng dường **Địa Tạng Bồ Tát**. Trong đó hay đáp tượng vẽ tranh, cho đến dùng vàng, bạc, đồng, sắt đúc hình tượng Ngài Địa Tạng, đốt hương cúng dường, chiêm lễ ngợi khen, thì nơi người đó ở liền được mười điều lợi ích là:

- 1_ Đất cát tươi tốt.
- 2_ Nhà cửa an ổn.
- 3_ Người đã chết được sinh lên cõi Trời.
- 4_ Những người hiện còn được tăng thọ.
- 5_ Cầu nguyện gì cũng được toại ý
- 6_ Không có tai họa về lửa và nước.
- 7_ Trừ sạch việc hư hao.
- 8_ Dứt hẳn mộng ác.
- 9_ Khi ra lúc vào có Thần theo hộ vệ.
- 10_ Thường được gặp bậc Thánh Nhân.

) Trong Phẩm **Chúc Lụy Nhân Thiên** nói rằng: “Nếu trong đời sau có kẻ trai lành người nữ thiện nào, nhìn thấy hình tượng Ngài Địa Tạng và nghe Kinh này, cho

đền đọc tụng, dùng hương hoa, thức ăn uống, quần áo, trân bảo, bố thí cúng dường, ngợi khen chiêm lễ, sẽ được hai mươi tám điều lợi ích là:

- 1_ Trời, Rồng thường hộ niệm.
- 2_ Quả lành ngày càng tăng.
- 3_ Gom chứa Nhân vô thượng của bậc Thánh.
- 4_ Chẳng thoái Bồ Đề
- 5_ Ăn mặc được đầy đủ.
- 6_ Thân không bị vướng những bệnh tật, nạn dịch
- 7_ Xa lìa tai họa về lửa và nước.
- 8_ Không bị nạn trộm cướp.
- 9_ Người khác nhìn thấy đều sinh lòng kính trọng.
- 10_ Quý Thần theo hộ trì.
- 11_ Đời sau sẽ chuyển thân nữ thành thân nam.
- 12_ Đời sau sẽ làm con gái của các bậc Vương Giả Đại Thần.
- 13_ Tướng mạo xinh đẹp.
- 14_ Phần lớn được sinh về cõi Trời.
- 15_ Làm bậc vua chúa.
- 16_ Có Trí sáng biết rõ những việc trong đời trước.
- 17_ Cầu nguyện gì cũng được toại ý
- 18_ Quyến thuộc an vui.
- 19_ Các tai họa đột ngột đều được tiêu diệt.
- 20_ Các nghiệp về nẻo ác đều dứt hẳn.
- 21_ Đi đến đâu cũng không bị trở ngại.
- 22_ Đêm nằm mộng được an ổn vui vẻ.
- 23_ Những người thân tộc đã chết nếu có tội thòi được khỏi khổ.
- 24_ Nếu đời trước có Phước thì được thọ sinh về cõi vui sướng.
- 25_ Được các bậc Thánh ngợi khen.
- 26_ Căn Tính lành lợi thông minh.
- 27_ Giàu lòng Từ Tâm thương xót.
- 28_ Cuối cùng thành Phật.

Trong bãng đĩa **Cửu Hoa Sơn** (thuộc Tứ Đại Danh Sơn) có ghi nhận bài **Địa Tạng Sám** nhằm nhấn mạnh vào Pháp Tu **Chính Pháp Giải Thoát** qua sự nhiếp hóa của Bồ Tát Địa Tạng như sau:

- _ Nam mô **Đại Nguyện Địa Tạng Vương**
Nguyện con lìa hẳn ba nẻo ác
- _ Nam mô **Đại Nguyện Địa Tạng Vương**
Nguyện con mau dứt Tham Sân Si
- _ Nam mô **Đại Nguyện Địa Tạng Vương**
Nguyện con siêng tu Giới Định Tuệ
- _ Nam mô **Đại Nguyện Địa Tạng Vương**
Nguyện con thường tùy các Phật Học
- _ Nam mô **Đại Nguyện Địa Tạng Vương**
Nguyện con chẳng thoái Tâm Bồ Đề
- _ Nam mô **Đại Nguyện Địa Tạng Vương**
Nguyện con quyết định sinh An Nhân
- _ Nam mô **Đại Nguyện Địa Tạng Vương**
Nguyện con mau được thọ Thánh Ký
- _ Nam mô **Đại Nguyện Địa Tạng Vương**

Nguyện con phân thân khắp các cõi
_Nam mô **Đại Nguyện Địa Tạng Vương**
Nguyện con rộng độ các chúng sinh

HÌNH TƯỢNG CỦA ĐỊA TẠNG BỒ TÁT

Hình tượng của Địa Tạng Bồ Tát trong Kinh **Thập Luân** nói là tướng Thanh Văn.

Loại hình tượng này của Địa Tạng Bồ Tát là **“Bên ngoài hiện tướng Tỳ Kheo, bên trong ẩn chứa hạnh Bồ Tát”**, đó là vì khiến chúng sinh hay xa lìa việc luân hồi trong các nẻo ác, cho nên đặc biệt thị hiện tướng Thanh Văn, xa lìa Thế Gian, hướng về đạo Chính Giác.



Đức Phật A Di Đà và bốn vị Bồ Tát (A Di Đà Ngũ Phật) tiếp dẫn chúng sinh về cõi Cực Lạc.



Trong quyển 28 “**Biệt Tôn Tạp Ký**” và “**Giác Thiên Sao_ Địa Tạng Thượng**” nêu ra là hình Tỳ Kheo, tay trái cầm viên ngọc báu, tay phải tác Dữ Nguyệt Ấn, ngồi trên hoa sen.



Tượng Địa Tạng Bồ Tát biến hầm lửa thành hoa sen





Trong Phật giáo Đông Độ, hình tượng Địa Tạng phần nhiều là hiện tượng Tỳ Kheo Thanh Văn, với tay trái cầm viên ngọc Như Ý, tay phải cầm cây Tích Trượng.









Tượng Địa Tạng đội mào Ngũ Phương Phật.





Diên Mệnh Địa Tạng tức **Thân Hóa Hiện** bởi Thệ Nguyên của Địa Tạng Bồ Tát để khiến cho sống lâu làm lợi ích cho đời, hay tránh khỏi sự chết yếu, đoán mệnh có đủ Đức của Pháp khỏe mạnh sống lâu. Vị Bồ Tát này hiện tướng Tỳ Kheo Thanh Văn, ngồi bán già trên đài sen, tay phải cầm cây Tích Trượng, tay trái cầm viên ngọc báu.





_Tượng Địa Tạng bảo hộ trẻ thơ:





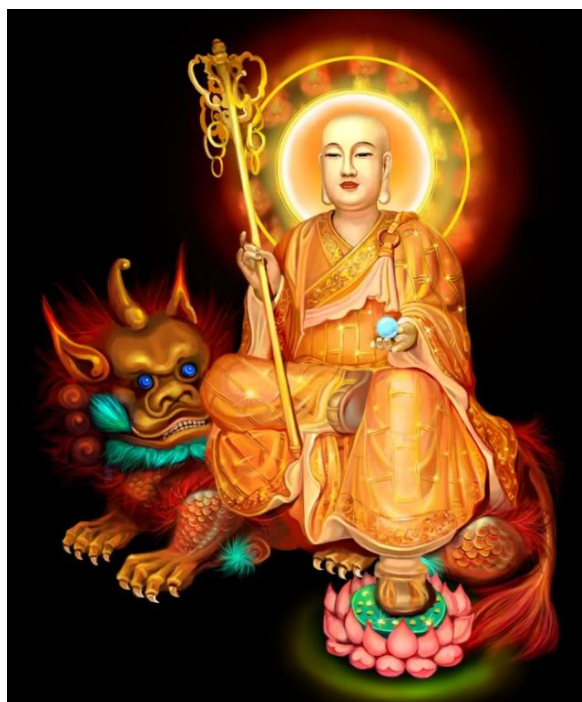
Sau này lại có Tôn Tượng Địa Tạng Bồ Tát có 6 cánh tay biểu thị cho sự hóa độ tại sáu nẻo





Thần Tảng Truyện ghi chép: “**Địa Tạng Bồ Tát** có dẫn theo con chó trắng tên là **Thiện Thính** (hoặc **Đề Thính**) cùng vượt biển đến Trung Quốc”

Từ Thánh Tích này nên có hình **Địa Tạng Bồ Tát** ngồi trên lưng con chó **Thiện Thính**.



南無大願地藏王菩薩



Hình tượng Địa Tạng Bồ Tát ngồi trên lưng con chó trắng, bên trái có vị Tỳ Kheo trẻ tên là **Đạo Minh**, bên phải có một ông già tên là **Mãn Các**



Hình Địa Tạng Bồ Tát, Đạo Minh, Mãn Các, mười vị vua Diêm La và hai vị Hộ Pháp



Hình tượng Địa Tạng Bồ Tát, Đạo Minh, Mãn Các với vua Diêm La



Tượng Địa Tạng Bồ Tát và hai vị Đồng Tử **Khuyến Thiện, Thắng Ác** (Hoặc Chương Thiện, Chương Ác)
(Bích họa, động **Đôn Hoàng**, đời Ngũ Đại)



.) Hình tượng Địa Tạng Bồ Tát được minh họa theo nghệ thuật biểu hiện Đường Ca, vẽ từ đời Thanh, lưu trữ tại viện Bảo Tàng **Cố Cung**, Bắc Kinh là:

Địa Tạng Bồ Tát có sắc thân màu xanh, đầu đội mũ bảo, thân khoác Thiên Y, tay phải cầm cây lúa tượng trưng cho ngũ cốc phong phú, tay trái đặt bên hông, hai chân ngồi xếp bằng trên hoa sen.



Hình tượng thường gặp của Địa Tạng Bồ Tát ở Tây Tạng là: Đầu đội mũ Trời, thân màu hồng nhạt, tay phải cầm viên ngọc Như Ý để ngang ngực (hoặc kết Thí Vô Úy Ấn), tay trái cầm hoa sen bên trên có cái chuông báu, ngồi trên tòa sen.





Kinh **Đại Nhật** ghi nhận: “Địa Tạng Bồ Tát cũng có hình dáng như Bồ Tát, đầu đội mũ Trời, dùng chuỗi Anh Lạc, vật báu... trang nghiêm thân.

Trong “**Địa Tạng Bồ Tát Nghi Quỹ**” cũng nói: Địa Tạng Bồ Tát hình tướng Thanh Văn, mặc áo cà sa phủ lên vai trái rất trang nghiêm, tay trái cầm hình Doanh Hoa, tay phải tác Thí Vô Úy, ngồi trên hoa sen.

Nếu như hiện tướng Đại Sĩ, thì đỉnh đầu đội mũ Trời, mặc áo cà sa, tay trái cầm cuống hoa sen, tay phải như lúc trước, ngồi yên trên đài có 9 hoa sen (Cửu liên đài)

Trong quyển 5 “**Đồ Tượng Sao**” quyển 28 ; “**Biệt Tôn Tọa Kỳ**”, “**Giác Thiền Sao. Địa Tạng Thượng**” Địa Tạng quyển 110 trong “**A Sa Phộc Sao**”.... đều nêu rõ Tượng này.

Ngày nay Địa Tạng Bồ Tát có hai loại hình tượng: Một là tướng xuất gia, hiện bày tượng Sa Môn. Hai là tướng tại gia, thông thường đầu đội mũ Trời, thân khoác áo cà sa, tay trái cầm viên ngọc báu, tay phải nắm cây Tích Trượng.



_ Trong **Kim Cương Giới Mạn Đà La** (Vajra-dhātu-maṇḍala) thì Địa Tạng Bồ Tát được ghi nhận qua tên gọi **Kim Cương Tràng Bồ Tát** (Vajra-keṭu) là một trong bốn vị Bồ Tát thân cận của Đức **Bảo Sinh Như Lai** (Ratna-saṃbhava-tathāgata)

.) Tại **Thành Thân Hội** (Karma) thì Địa Tạng Bồ Tát được xưng là **Kim Cương Tràng Bồ Tát** (Vajra-keṭu):

Tôn này được sinh ra từ **Nghĩa viên mãn ước nguyện rộng lớn** của tất cả Như Lai.

_ **Lược thuật Kim Cương Đỉnh Du Già phân biệt Thánh Vị tu chứng Pháp Môn** ghi nhận rằng:

“Ở Nội Tâm của Tỳ Lô Giá Na Phật chứng đắc **Kim Cương Bảo Tràng Tam Ma Địa Trí**. Vì tự thọ dụng cho nên từ Kim Cương Bảo Tràng Tam Ma Địa Trí tuông ra ánh sáng Kim Cương Tràng (Cây phướng Kim Cương) chiếu khắp mười phương Thế Giới mãn ý nguyện của tất cả chúng sinh, rồi quay trở lại thu làm một Thể. Vì khiến cho tất cả Bồ Tát thọ dụng Tam Ma Địa Trí cho nên thành hình **Kim Cương Tràng Bồ Tát** trụ ở vành trăng bên trái Bảo Sinh Như Lai”.

Do Kim Cương Tràng Bồ Tát gia trì cho nên hay mãn hết thảy ước nguyện về Thế Gian và Xuất Thế Gian của chúng Hữu Tình, giống như cây phướng báu **Chân Đà Ma Ni** (Cintā-maṇi-keṭu)

Tôn Hình: Thân màu thịt, hai tay cầm cây phướng Như Ý



Mật Hiệu là: **Viên Mãn Kim Cương, Nguyện Mãn Kim Cương**

Chữ chủng tử là: TRAM (𑖦), hay TRĀM (𑖧)

Tam Muội Gia Hình là: Phan Phướng Như Ý



Tượng Ấn là: Kim Cương Tràng Yết Ma Ấn



Chân Ngôn là:

ॐ वज्रकेतुं

OM _ VAJRA-KETU TRĀM

.)Tại **Tam Muội Gia Hội** (Samaya) thì Địa Tạng Bồ Tát (hay Kim Cương Trì Bồ Tát) có chữ chủng tử là: TI (ॱ) hay PTI (ॲ)

Tam Muội Gia Hình là: Đầu cây gậy có Tam Biện Bảo Châu, sợi dây quấn ràng có cây phướng báu, tùy theo gió lay động. Biểu thị cho việc dễ dàng ban thưởng thù đáp thì nên có Đàn Thí, tức Kim Cương Trì Bồ Tát (Vajra Ketu Bodhisatva) kiến lập trên cây phướng Đại Ma Ni, đặt viên ngọc báu tỏa ánh sáng chiếu diệu. Tuôn mưa Ma Ni, trăm báu, phướng, lọng, hương hoa vi diệu... đều ban cho tất cả Hữu Tình tùy theo ý nguyện, mãn túc hạnh nguyện Đàn Ba La Mật, đủ Tâm Đại Bi, vô lượng trân bảo với tâm “ **Cho nhưng không có nơi cho, nơi được mà không có gì được**”.



Tượng Ấn là: Kim Cương Trì Ấn



Chân Ngôn là:

ॐ अर्थप्रप्ति

ARTHA PRĀPTI

.)Tại **Vi Tế Hội** (Sūkṣma) thì Địa Tạng Bồ Tát (hay Kim Cương Trì Bồ Tát) có chữ chủng tử là: TRAM (ॳ)

Tôn Hình: Hai tay cầm cây phướng báu Như Ý



Chân Ngôn là:

ॐ वज्रध्वजाग्राम

VAJRA-DHVAJA-AGRA VAM

.)Tại **Cúng Đường Hội** (Pūja) thì Bồ Tát Địa Tạng (hay Kim Cương Tràng) có chữ chủng tử là: TRAM (𑖀)

Tôn Hình: Hai tay cầm hoa sen, bên trên có cây phướn báu Như Ý.



Tượng Ấn là: Kim Cương Ngoại Phộc, để ở trên đỉnh đầu, giương duỗi hai cánh tay.



Chân Ngôn là:

𑖀 𑖠𑖡 𑖢𑖣 𑖤𑖥𑖦𑖧𑖨 𑖩𑖪𑖫𑖬𑖭𑖮𑖯𑖰𑖱𑖲𑖳𑖴𑖵𑖶𑖷𑖸𑖹𑖺𑖻𑖼𑖽𑖾𑖿
 OM_ NAMAḤ SARVA TATHĀGATĀSĀPARIPŪRAṆA CINTĀ-MANĪ
 DHVAJA-AGREBHYO VAJRA-DHVAJA-AGRI TRĀM

.)Tại **Giáng Tam Thê Yết Ma Hội** (Trailokya-vijaya-karma) thì Bồ Tát Địa Tạng (hay Kim Cương Tràng) có chữ chủng tử là HE (𑖗)

Tôn Hình: Hai tay nắm Kim Cương Quyền, giao chéo nhau ở trước ngực.



Tam Muội Gia Hình là: Phan phướn Như Ý.



Chân Ngôn là:

ॐ वज्रक्रोधाकेतु देहि हृम फट

OM_ VAJRA-KRODHA-KETU DEHI HŪM PHAT

.)Tại **Giáng Tam Thế Yết Ma Hội** (Trailokya-vijaya-karma) thì Bồ Tát Địa Tạng (hay Kim Cương Tràng) có chữ chủng tử là HNA (𑖦)

Tam Muội Gia Hình là: Phan phương Như Ý. Biểu thị cho việc kiến lập trên cây phướng Đại Ma Ni, đặt viên ngọc báu tỏa ánh sáng chiếu diệu. Tuôn mưa Ma Ni, trăm báu, phướng, lọng, hương hoa vi diệu... đều ban cho tất cả Hữu Tình tùy theo ý nguyện, mãn túc hạnh nguyện Đản Ba La Mật, đủ Tâm Đại Bi, vô lượng trân bảo với tâm “ **cho nhưng không có nơi cho, nơi được mà không có gì được**”.



Chân Ngôn là:

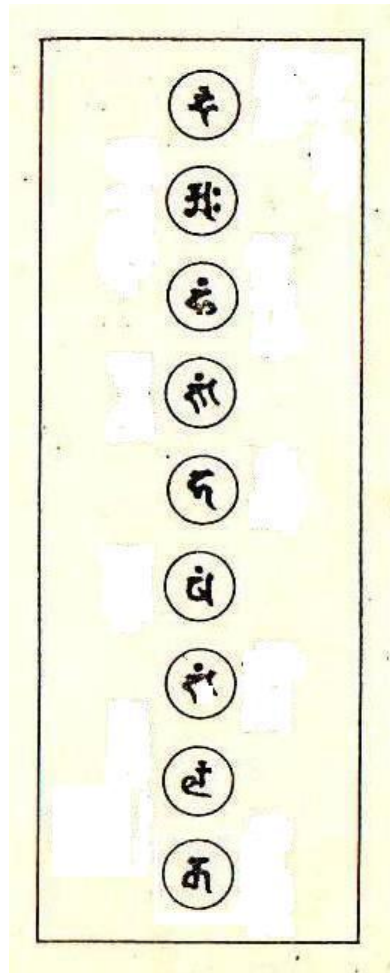
ॐ वज्रध्वजाग्र क्युरी मह क्रोधे देहि मे

OM_ VAJRA-DHVAJA-AGRA KEYŪRĪ MAHĀ-KRODHE DEHI ME SARVĀM JI

_Tại **Địa Tạng Viện** trong **Thai Tạng Giới Man Đa La** (Garbha-dhātu-maṇḍala) thì Bồ Tát Địa Tạng là Chủ Tôn có vị trí ở chính giữa viện.

Các Tôn trong Viện này như Đại Địa bền chắc chẳng hoại, Tâm Bồ Đề kiên cố hay trụ giữ vạn vật. Lại như mọi loại kho báu của Đại Địa, đầy đủ căn lành của Tâm Bồ Đề như đồng với Địa Tạng hay sinh ra mọi báu của tất cả Công Đức, giáo hoá chúng sinh về Diệu Đức của nhóm Nhẫn Nhục, Tinh Tiến... Vì thế Địa Tạng Viện tức là hành động thực tiễn **Đại Bi Cứu Tế** của Liên Hoa Bộ, biểu thị cho **Bi Môn** (Kāraṇa-mukhe) của Quán Âm, hay cứu mê tình của 9 Giới.

Viện này có 9 Tôn được trình bày từ trên xuống dưới như sau:



- 1_ Trừ Nhất Thiết Ưu Não (𑖀)
- 2_ Bất Không Kiến (𑖁)
- 3_ Bảo Ân Thủ (𑖂)
- 4_ Bảo Quang (𑖃)
- 5_ Địa Tạng (𑖄)
- 6_ Bảo Thủ (𑖅)
- 7_ Trì Địa (𑖆)
- 8_ Kiên Cố Thâm Tâm (𑖇)
- 9_ Nhật Quang Bồ Tát (𑖈)

1_ Trừ Nhất Thiết Ưu Não Bồ Tát (Sarva-Śokatamoghāta-mati):
Sarva-Śokatamoghāta-mati lại xưng là Trừ Nhất Thiết Ưu Âm Bồ Tát, Trừ Ưu Âm Bồ Tát.

Tôn này biểu thị cho Bản Thệ **trừ tất cả ưu não ám tối của chúng sinh**

Tôn Hình: Thân màu vàng trắng, dựng đứng khuỷu tay phải, hơi ngửa lòng bàn tay hướng về bên phải. Tay trái cầm cành cây, ngồi trên hoa sen đỏ.

2_ **Bất Không Kiến Bồ Tát** (Amogha-darsana):

Amogha-darsana là vị Bồ Tát dùng 5 loại mắt: mắt thịt, mắt Trời, mắt Tuệ, mắt Pháp, mắt Phật nhìn khắp sự bình đẳng, sai biệt của chúng sinh trong Pháp Giới, hay trừ tất cả nẻo ác khiến chuyển hướng về Chính Đạo Bồ Đề, Niết Bàn cứu cánh. cho nên gọi là **Bất Không Kiến**.

Tôn Hình: Thân màu thịt, tay trái cầm hoa sen, trên hoa có lửa rực sáng kèm với con mắt, mũi, miệng. Tay phải dựng lòng bàn tay, hướng tâm lòng bàn ra bên ngoài, ngồi trên hoa sen đỏ.



Mật Hiệu là: **Phổ Quán Kim Cương**

Chữ chủng tử là: AH (ॐ)

Tam Muội Gia Hình là: Đầu Phật trên hoa sen, hay khuôn mặt ánh sáng trên hoa sen.



Tượng Ấn là:Phật Nhân Ấn.



Chân Ngôn là:

ॐ अमोघादरसानया अह स्वहा

OM_ AMOGHA-DARŚANĀYA AH_ SVĀHĀ

3_ Bảo Ấn Thủ Bồ Tát (Ratna-mudrā-hasta):

Ratna-mudrā-hasta dịch âm La Đát Năng Mộ Nại La Hạ Tát Đa, là vị Bồ Tát này dùng **Ấn Trì** quyết định chứng quả vị Tam Bồ Đề (Sambodhi: Chính Giác).

Tôn này biểu thị cho **Tam Muội Gia Bản Thệ Môn** của Địa Tạng Bồ Tát, cứu tế chúng sinh.

Tôn Hình: Thân màu thịt, tay trái rữ trên đầu gói cầm hoa sen, trên hoa có chày Độc Cỗ. Co cánh tay phải để trước ngực, ngửa lòng bàn tay cầm vành trăng. Ngồi Kiết Già trên tòa hoa sen đỏ.



Mật Hiệu là: **Chấp Trì Kim Cương**, hoặc **Chấp Cật Kim Cương**
Chữ chung tử là: PHAM (𑖔𑖑𑖔), hay HAM (𑖔𑖑𑖔)
Tam Muội Gia Hình là: Chày Độc Cỏ trên ngọc báu.



Tướng Ấn là: Ngoại Ngũ Cổ Ấn.



Chân Ngôn là:

𑖔𑖑𑖔 𑖔𑖑𑖔 𑖔𑖑𑖔 𑖔𑖑𑖔 𑖔𑖑𑖔 𑖔𑖑𑖔 𑖔𑖑𑖔 𑖔𑖑𑖔 𑖔𑖑𑖔 𑖔𑖑𑖔

NAMAḤ SAMANTA BUDDHĀNĀM _ RATNA NIRJĀTA _ SVĀHĀ

4_ **Bảo Quang Bồ Tát** (Ratna-kalā, hay Ratnākara):

Ratnākara dịch âm là La Đát Năng Ca La. Lại xưng là Bảo Xứ Bồ Tát, Bảo Sinh Bồ Tát, Bảo Tác Bồ Tát, Bảo Chương Bồ Tát.

Tôn này biểu thị cho việc dùng lòng bàn tay tuôn ra mọi báu ban bố cho chúng sinh

Tôn Hình: Thân màu thịt, tay phải tác Thí Vô Úy Ấn. Tay trái dụng lòng bàn tay, co ngón trở ngón giữa cầm hoa sen, trên sen có chày Tam Cổ. Ngồi Kiết Già trên hoa sen đỏ.



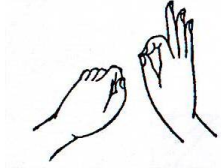
Mật Hiệu là: **Tường Thụy Kim Cương**

Chữ chung tử là: JAM (ॐ)

Tam Muộ Gia Hình là: Chày Liên Hoa Tam Cổ hoặ chày Tam Cổ trên ngọc báu.



Tướng Ấn là: Bảo Xứ Bồ Tát Ấn.



Chân Ngôn là:

ॐ मः समं वृक्षं न ममममं वृक्षं

NAMAḤ SAMANTA BUDDHĀNĀM_ HE MAHĀ MAHĀ _ SVĀHĀ

5_ Địa Tạng Bồ Tát (Kṣiti-garbha):

Kṣiti-garbha dịch âm là Khất Xoa Đê Nguyệt Bà, nghĩa là đất hoặc Trú Xứ, hoặc hàm tàng (che dấu bên trong).

Địa Tạng Bồ Tát giống như Đại Địa hay nâng chịu tất cả Nghiệp Tội của chúng sinh mà an nhân chẳng động, đầy đủ Định Tuệ, hay biết rõ tất cả Bí Tạng.

Địa Tạng là vị Bồ Tát tự thề cứu độ hết chúng sinh trong sáu nẻo thì mới nguyện thành Phật.

Tôn này biểu thị cho Đại Nguyện **Nhẫn Nhục, Tinh Tiến** cứu độ tất cả chúng sinh

Tôn Hình: Hiện hình Bồ Tát, tay trái cầm hoa sen, trên hoa có cây phượng báu Như Ý. Tay phải cầm viên ngọc báu. Ngồi trên hoa sen





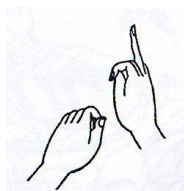
Mật Hiệu là: **Mãn Túc Kim Cương**

Chữ chủng tử là: SAM (॑)

Tam Muội Gia Hình là: Chày Tam Cổ trên bâu.



Tượng Ấn là: Bảo Thủ Bồ Tát Ấn.



Chân Ngôn là:

ॐ समं वज्रं उज्ज्वलं स्वहा

NAMAḤ SAMANTA BUDDHĀNĀM_RATNA-UDBHAVA _SVĀHĀ

7_ Trì Địa Bồ Tát (Dharaṇi-dhāra):

Tôn này biểu thị cho Đức đặc biệt giống như Đại Địa hay giữ gìn vạn vật, nuôi lớn Tâm Bồ Đề của chúng sinh.

Tôn Hình: Thân màu vàng trắng, tay trái cầm hoa sen, trên hoa có chày Tam Cổ. Tay phải tác Thí Vô Úy Ấn. Ngồi trên hoa sen.



Mật Hiệu là: **Nội Tu Kim Cương, Tịnh Giới Kim Cương**

Chữ chủng tử là: JAM (𑖦𑖳) hay NAM (𑖦𑖡)

Tam Muội Gia Hình là: Bên trên ngọc báu có hai đầu Kim Cương Nhất Cổ chính giữa có hình Ngũ Cổ, hoặc Chày Tam Cổ trên hoa sen.



Tượng Ấn là: Kim Cương Bộ Tam Muội Gia Ấn.



Chân Ngôn là:

𑖀𑖄 𑖀𑖄 𑖀 𑖀𑖄 𑖀𑖄 𑖀𑖄 𑖀𑖄 𑖀𑖄 𑖀𑖄 𑖀𑖄 𑖀𑖄 𑖀𑖄 𑖀𑖄

NAMAḤ SAMANTA BUDDHĀNĀM_DHARAṆI-DHĀRA _ SVĀHĀ

6_Kiên Cố Thâm Tâm Bồ Tát (Dṛḍhādhyāsayā):

Dṛḍhādhyāsayā dịch âm là Niết Lý Nại Địa Dã Xã dã, Địa Lợi Đát Địa Dã Xả Dạ. Lại xưng là Kiên Cố Tuệ Bồ Tát, Kiên Cố Bồ Tát, Kiên Cố Ý Bồ Tát.

Tôn này biểu thị cho sự **Nội Chứng** của Địa Tạng Bồ Tát là Tâm Đức bền chắc của Đại Địa.

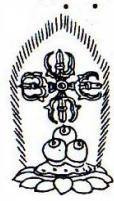
Tôn Hình: Thân màu thịt, tay phải cầm hoa sen nở rộ, trên hoa có Yết Ma Kim Cương rực lửa. Tay trái nắm quyền hương lên trên đặt trên đùi. Ngồi trên hoa sen đỏ.



Mật Hiệu là: **Siêu Việt Kim Cương**

Chữ chủng tử là: LAM (𑖇) hay NAM (𑖏)

Tam Muội Gia Hình là: Chày Yết Ma trên báu.



Tượng Ấn là: Liên Hoa Hợp Chưởng, hơi cách lia ngón cái ngón trỏ.



Chân Ngôn là:

ॐ म् समं व ज्ञं न व ज्ञं सं व न व न ॐ

NAMAḤ SAMANTA BUDDHĀNĀM_ VAJRA SAMBHAVA _ SVĀHĀ

9_ Nhật Quang Bồ Tát (Sūrya-prabha):

Tôn này biểu thị cho Đức đặc biệt như ánh sáng mặt trời hay trừ ưu não ám tối cho chúng sinh của Địa Tạng Bồ Tát.

Tôn Hình: Thân màu thịt, tay trái cầm hoa sen, trên sen để vành mặt trời. Ngồi trên hoa sen đỏ.



Mật Hiệu là: **Uy Đức Kim Cương**

Chữ chung tử là: AH (ॐ) hay KA (ॐ)

Tam Muội Gia Hình là: Vành mặt trời.



Tượng Ấn là: Hai tay, 2 đầu ngón trỏ, 2 đầu ngón cái cùng tiếp chạm nhau. Giương mở 3 ngón còn lại như hình mặt trời phóng ánh sáng.



Chân Ngôn là:

ॐ न सु प्र ष न् य न् सु न् ५

ON _ SŪRYA-PRABHĀYA_ SVĀHĀ

Trong Viện này thì 6 Tôn: Địa Tạng (Kṣitigarbha), Bảo Xứ (Ratnakāra), Bảo Thủ (Ratna-pāṇi), Trì Địa (Dharaṇi-dhāra), Bảo Ấn Thủ (Ratna-mudrā-hasta), Kiên Cố Ý (Dṛḥādhyaśaya) được hợp xưng là **sáu Địa Tạng** biểu thị cho 6 Tôn hóa độ sáu nẻo

3_ Địa Tạng Tâm Chân Ngôn:

ॐ ཅེཎ ཅེས རྩོམ་མཁོན་པོ་ལྷོ་མེ་མོ་མོ་

OM_KṢIḤ HICARA_SARVA-BODHI HŪṀ

(Quy mệnh Đấng chuông quản trái đất, khiến cho thành tựu tất cả Tuệ Giác)

4_ Địa Tạng Bồ Tát Pháp Thân Ấn :

Ngửa 2 tay. Hai ngón trỏ, hai ngón vô danh đều móc nhau, bên phải đè bên trái. Hai ngón cái đều co vào trong lòng bàn tay, co hai ngón giữa lại đè trên móng hai ngón cái. Lại co đều 2 ngón út vào lòng bàn tay. Hai ngón cái đưa qua đưa lại.

Chân Ngôn là :

ॐ བཤམ་པའི་མཚན་ལྷོ་མེ་མོ་

OM_PRAMAṆI-PATI_SVĀHĀ

(Quy mệnh Đức **Thắng Như Ý Ma Ni Bảo Chủ**, quyết định thành tựu tốt lành)

_Bản khác ghi Chân Ngôn này là :

ॐ བཤམ་པའི་མཚན་ལྷོ་མེ་མོ་

OM_PRAMAṆI-DĀNE_SVĀHĀ

(Hồi Đức **Thắng Như Ý Ma Ni Bảo**, hãy ban cho sự thành tựu tốt lành)

Án Chú của Pháp này. Vào mỗi ngày 14 của kỳ Bạch Nguyệt, ngày 14 của kỳ Hắc Nguyệt. Dùng nước thơm tắm gội, đứng trên mặt đất, hai chân đặt song song, ngay thẳng thân mình. Kết Ấn này, tụng Chú thì Hộ Thân, diệt tội, trừ ôn dịch ắt ứng nghiệm cực tốt

5_ Địa Tạng Bồ Tát Quảng Đại Tâm Đà La Ni (1):

ॐ ཅེཎ ཅེས རྩོམ་མཁོན་པོ་ལྷོ་མེ་མོ་ མཚན་ལྷོ་མེ་མོ་ མཚན་ལྷོ་མེ་མོ་ མཚན་ལྷོ་མེ་མོ་ མཚན་ལྷོ་མེ་མོ་

ॐ ཅེཎ ཅེས རྩོམ་མཁོན་པོ་ལྷོ་མེ་མོ་ མཚན་ལྷོ་མེ་མོ་ མཚན་ལྷོ་མེ་མོ་ མཚན་ལྷོ་མེ་མོ་ མཚན་ལྷོ་མེ་མོ་

**NAMO KṢITI-GARBHA BODHI-SATTVĀYĀ MAHĀ-SATTVĀYA
MAHĀ-PRAṆIDHI-CAKRA-MANḌALĀYA-RĀJĀYA**

**OM ŚUBHA-NIRHĀRA ŚUBHA-CARYĀ MAHĀ-PRAṆIDHĀNA
VAŚITĀYA SVĀHĀ**

[NAMO KṢITI-GARBHA BODHI-SATTVĀYĀ MAHĀ-SATTVĀYA
MAHĀ-PRAṆIDHI-CAKRA-MANḌALĀYA-RĀJĀYA: Quy mệnh Đại Tạng Bồ Tát
Ma Ha Tát Đại Nguyện Luân Đàn Vương

OM: Nhiếp triệu

ŚUBHA-NIRHĀRA ŚUBHA-CARYĀ: Hạnh chân thật sinh ra sự chân thật,
Hạnh thanh tịnh sinh ra Nghiệp trong sạch

MAHĀ-PRAṆIDHĀNA VAŚITĀYA: Đại Nguyện được tị tại

SVĀHĀ: Quyết định thành tựu]

_Địa Tạng Bồ Tát Quảng Đại Tâm Đà La Ni (2):

**“Năng mặc khát-sử để nhiếp bà dã (1) ma hạ mãn noa la, la nhạ dã (2) Ấn
(3) tổn bà ninh, tổn bà (4) hạ la, tả la (5) ma hạ bá xả, ma lỗ đá (6) a mô già, phộc
nhật la, tát đất-phộc (7) sa-phộc hạ (8)”**

*)NAMAḤ KṢITI-GARBHA MAHĀ-MANḌALA-RĀJĀYA

**OM_SUMBHA NISUMBHA HARA CALA_MAHĀ-BHĀṢA-MARUTA_
MAHĀ-VAJRA-SATTVA SVĀHĀ**

(an nhãn như đất trợ lực cho vạn vật)

𑖦𑖩𑖫𑖮

VAIRA KṢAM-BHU

(an nhãn như đất có năng lực khác thường)

𑖦𑖩𑖫𑖮

VAJRA KṢAM-BHU

(an nhãn như đất có tính bền chắc chẳng hoại)

𑖦𑖩𑖫𑖮

ĀLOKA KṢAM-BHU

(an nhãn như đất hiển hiện ánh sáng soi chiếu)

𑖦𑖩𑖫𑖮

DAMA KṢAM-BHU

(an nhãn như đất mà điều phục)

𑖦𑖩𑖫𑖮

SATYĀMA KṢAM-BHU

(an nhãn như đất chân thật mãnh liệt)

𑖦𑖩𑖫𑖮

SATYA NIRHĀRA KṢAM-BHU

(an nhãn như đất tăng trưởng sự chân thật)

𑖦𑖩𑖫𑖮

VYAVALOKA KṢAN VĀ KṢAM-BHU

(an nhãn như đất tương dẫn đến xem xét kỹ lưỡng điều gây tổn hại)

𑖦𑖩𑖫𑖮

UPAŚAMA KṢAM-BHU

(an nhãn như đất mà được sự vắng lặng)

𑖦𑖩𑖫𑖮

NAṬANA KṢAM-BHU

(an nhãn như đất trước mọi sự diễn biến)

𑖦𑖩𑖫𑖮

PRAJÑĀ SAMBHUTI RAṆA KṢAM-BHU

(an nhãn như đất nơi mọi sự đấu tranh sinh ra Trí Tuệ)

𑖦𑖩𑖫𑖮

KṢANA KṢAM-BHU

(an nhãn như đất trong mỗi sát na niệm)

𑖦𑖩𑖫𑖮

VIŚĪLYA KṢAM-BHU

(an nhãn như đất trước mọi hành vi độc ác)

𑖦𑖩𑖫𑖮

ŚĀSTĀLĀVA KṢAM-BHU

(an nhãn như đất trước mọi sự khen ngợi)

𑖦𑖩𑖫𑖮

VYĀḌA SUTA MAHILE DAHRE DAME ŚAME

(Ý chí kiên cường dứt sự nghĩ nhớ về hiện trạng của người nữ, trẻ con, hung ác)

𑖦𑖩𑖫𑖮

CAKRĀSI CAKRA MAṢĪRE KṢĪRE BHĪRE HĪRE GRAḤ SAṂVARA

VRĀTE RATNA PĀLE

(Mọi sự sợ hãi về vũ khí, đao kiếm, binh trận, nơi sinh sống của người dân tộc... thì như đá Kim Cương phụ giúp, ngăn che , tập hợp bảo hộ như vật báu)

बबबब

CA CA CA CA

(mỗi mỗi việc đều đúng như vậy)

हिर मिल् एकथ थक्कुर गोल

HĪRE MILE EKĀRTHA THAKKURA GOLO

(khiến cho kết hợp như đá Kim Cương, như cái bình Thần Kỳ chỉ có một lợi ích)

ठार ठार मिल् वार नर

ṬHĀRE ṬHĀRE MILE VĀṬHARE TĀḌE

(đập vỡ sự ngu muội được kết hợp như mỗi đám sương mù màu trắng)

कुल कुमिल अमिल अंगो किलि पारकिलि

KULE KU MILE AMILE-ANĠO CITTĀVI ARI KILI PARAKILI

(diệt hết sự tà ác bất chính của chúng tộc được kết hợp như tấm vải lông, cũng diệt hết tâm ý đau khổ , oán tặc, oan gia khác

कुस सामिल जंगे जंगुले

KUŚA ŚAMALE JAṄGE JAṄGULE

(Tri Thức hiểu biết về chất độc giúp cho con người tránh khỏi sự nguy hại của cây cỏ)

हुरु हुरु हुरु हुरु सुमिल मे

HURU HURU HURU HURU STU-MILE ME

(Tôi mau chóng mau chóng khen ngợi sự khiến cho kết hợp)

मिल ए सामिल तार

MĪL EḌE ŚAMĪLE TARE

(giúp cho vượt qua mọi sự tạo thành hiển hiển điềm ác)

भदा दार हार हिर

BHĀ DADA HĀRA HĪRA HĪRE

(Phóng ra ánh sáng cung cấp trang nghiêm cho được đá Kim Cương, như đá Kim Cương)

हुरु हुरु नु

HURU HURU NU

(mau chóng mau chóng, vui vẻ phi thường)

भव रस विषोदने स्वहा

BHĀVA RAJA VIŚODHANE SVĀHĀ

(tịnh hóa bụi dơ của vật, thành tựu tốt lành)

कलियुग विषोदने स्वहा

KALIYUGA VIŚODHANE SVĀHĀ

(tịnh hóa thời đại cực ác, thành tựu tốt lành)

कल्प मन विषोदने स्वहा

KALUŚA MANA VIŚODHANE SVĀHĀ

(tịnh hóa ý chí bất tịnh, thành tựu tốt lành)

कल्प महानुग विषोदने स्वहा

KALUŚA MAHĀ-BHŪTA VIŚODHANE SVĀHĀ

(tịnh hóa **Đại Chúng** (đất, nước, gió, lửa) bất tịnh, thành tựu tốt lành)

कल्प रस विषोदने स्वहा

KALUŚA RASA VIŚODHANE SVĀHĀ

(tịnh hóa mùi vị bất tịnh, thành tựu tốt lành)

कलुष उजसविशुद्धने स्वहा

KALUṢA OJAS VIŚODHANE SVĀHĀ

(tịnh hóa năng lực bất tịnh, thành tựu tốt lành)

सर्वे असा परिपुराणि स्वहा

SARVA ĀŚA PARIPŪRAṆI SVĀHĀ

(thành tựu đầy đủ tất cả ước nguyện)

सर्वे सस्ये संपदाने स्वहा

SARVA SASYA SAṆPĀDANE SVĀHĀ

(thành tựu tính viên mãn của tất cả cỏ thuốc, thực vật, lúa đậu)

सर्वे तथगत अधिष्ठिते स्वहा

SARVA TATHĀGATA ADHIṢṬHITE SVĀHĀ

(thành tựu sự gia trì của tất cả Như Lai)

सर्वे बोधिसत्त्वोपशान्ति मन्त्रे स्वहा

SARVA BODHI-SATVA ADHIṢṬHITA ANU MODATE SVĀHĀ

(vui vẻ thuận theo sự gia trì của tất cả Bồ Tát, thành tựu tốt lành)

Khi Địa Tạng Bồ Tát tuyên nói Chân Ngôn thù thắng này lưu chuyển vào núi, sông, trái đất và tất cả Pháp Giới....thời hết thấy cây cỏ trong trái đất đều vui mừng nảy nở tươi tốt thêm, tất cả hoàn cảnh đều thu được sự sinh sôi nảy nở không thể nào so sánh được, hết thấy cộng đồng sinh mệnh cùng phồn thịnh, tốt lành hòa kính tất cả, tràn đầy giữa vũ trụ. Điều này thật sự là khiến cho tất cả Đại Địa được tăng trưởng thủ hộ, tất cả sinh mệnh được tăng ích, có thể nói đó là Chú màu nhiệm kỳ diệu để bảo vệ sinh mệnh.

Phòng Sơn Thạch Kinh Bản ghi nhận câu Chú này là:

Daśa-cakra-kṣitigarbha-dhāraṇī (Thập Luân Địa Đạng Đà La Ni)

Namo ratna-trayāya.

Nama ārya-kṣitigarbha bodhisattvāya mahāsattvāya.

Tadyathā, kṣaṃ-bhu, kṣaṃ-bhu, kṣud kṣaṃ-bhu, ākāśa kṣaṃ-bhu, vāraka kṣaṃ-bhu, ambu kṣaṃ-bhu, vaira kṣaṃ-bhu, vajra kṣaṃ-bhu, ā-loka kṣaṃ-bhu, dama kṣaṃ-bhu, satyāma kṣaṃ-bhu, satya nir-hāra kṣaṃ-bhu, vyavaloka kṣapa kṣaṃ-bhu, upaśama kṣaṃ-bhu, nayana kṣaṃ-bhu, prajñā saṃ-bhūti raṇa kṣaṃ-bhu, kṣaṇa kṣaṃ-bhu, viśvāriya kṣaṃ-bhu, śāsta lava kṣaṃ-bhu. vyāḍa su jyā mā hire dame śame, cakre-śe cakra mā hire kṣiṇe bhīre, hrđ-graḥ saṃvara vrate. śiri prabhe pra-cāra vartane. ratna-pāle cala cala śiri mile ekārtha, ṭakki ṭhakkura dare dare, mile bādhe tāḍe ākule ku mīle, mī-rī aṅgo-citta āvi. āla-gire pra-ghṛ kuṭṭa śamane. Jāṅge jāṅge jāṅgule, huru huru huru, kuru stu. mile mī mī līḍhe, mile tare, bhā dada hāra hīra hīre, huru huru ru. bhāva-raja vi-śodhane svāhā.

Kali-yuga vi-śodhane svāhā.

Kaluṣa-mana vi-śodhane svāhā.

Kaluṣa-mahā-bhūta vi-śodhane svāhā.

Kaluṣa-rasa vi-śodhane svāhā.

Kaluṣa-oja vi-śodhane svāhā.

Sarva āśā pari-pūraṇi svāhā.

Sarva sasya saṃ-pādane svāhā.

Sarva tathāgata adhiṣṭhite svāhā.

Sarva bodhisattva adhiṣṭhita anu-modite svāhā.



Kinh Đại Thừa Đại Tập Địa Tạng Thập Luân, quyển 1 (do Tam Tạng Pháp Sư HUYỀN TRANG phụng chiếu dịch) ghi nhận bài “Cụ Túc Thủy Hỏa Cát Tường Quang Minh Đại Ký Minh Chú Tổng Trì Chương Cú” này là:

“sấm bò (1) sấm bò (2) sấm sấm bò (3) a ca xá sấm bò (4) phộc yết lạc sấm bò (5) am bạt lạc sấm bò (6) phiệt la sấm bò (7) phạt chiết lạc sấm bò (8) a lộ ca sấm bò (9) đạm ma sấm bò (10) tát đế bì ma sấm bò (17) tát đế bì nật ha la sấm bò (12) tì bà lộ ca sấp bà sấm bò (13) ồ ba thiểm ma sấm bò (14) nại dã na sấm bò (15) bát lạt nhạ tam mưu để lạt noa sấm bò (16) sát noa sấm bò (17) tỳ thấp bà lê dạ sấm bò (18) xá tát đa lạp bà sấm bò (19) tì a đồ tổ tra (20) mạc hệ lệ (21) đạm mê (22) đàm mê (23) chước yết lạc tế (24) chước yết lạc mặt hứ lệ (25) xí lệ (26) tử lý lệ (27) yết lạt bà, bạt la, phạt lạt đế (28) thi lệ (29) bát lạp bộ (30) bát lạt già la, phạn đất nê (31) hạt lạt đất nê (32) bá la (33) già già già già (34) thi lệ (35) nhĩ lệ (36) ê yết tha (37) thác khế (38) thác củ lô (39) thát lệ (40) thát lệ (41) nhĩ lệ (42) ma trán

(43) đản trán (44) củ lệ (45) nhĩ lệ lệ (46) áng củ, chi đa tì (47) át lệ (48) kì lệ (49) ba la kì lệ (50) củ tra thêm mặt lệ (51) đôn kì (52) đôn kì (53) đôn cụ lệ (54) hử lô (55) hử lô (56) hử lô (57) củ lô tốt đô nhĩ lệ (58) nhĩ lý đệ (59) di lý trán (60) bặt đồ đà (61) hát la (62) thi lệ (63) hử lô (64) hử lỗ lô (65)”

*)KṢAṂ-BHU, KṢAṂ-BHU, KṢUD KṢAṂ-BHU, ĀKĀŚA KṢAṂ-BHU, VĀRAKA KṢAṂ-BHU, AMBU KṢAṂ-BHU, VAIRA KṢAṂ-BHU, VAJRA KṢAṂ-BHU, ĀLOKA KṢAṂ-BHU, DAMA KṢAṂ-BHU, SATYĀMA KṢAṂ-BHU, SATYA NIRHĀRA KṢAṂ-BHU, VYAVALOKA KṢAPA KṢAṂ-BHU, UPĀŚAMA KṢAṂ-BHU, NAYANA KṢAṂ-BHU, PRAJÑĀ SAṂBHUTI RAṆA KṢAṂ-BHU, KṢANA KṢAṂ-BHU, VIŚVĀRIYA KṢAṂ-BHU, ŚĀSTĀLĀVA KṢAṂ-BHU, VYĀḌA SUTA MAHILE DAHRE DAME ŚAME, CAKRĀSI CAKRA MĀ HIRE KṢĪRE BHĪRE GARBHA VARA VṚĀTE, ŚIRI PRABHE PRACĀRA VARTANE, RATNA-PĀLA, CA CA CA CA, ŚIRI MILE EKĀRTHA, ṬAKKI ṬHAKKURA, ṬHĀRE ṬHĀRE MILE BĀDHE TĀḌE, KULE KU MILE AṄGO CITTĀVI ARI KILI PARAKILI, KUṬṬA ŚAMALE JAṄGE JAṄGULE, HURU HURU HURU, KURU STU-MILE ME, MĪL EḌE MILE TARE, BHĀ DADA HĀRA HĪRE, HURU HURU RU

_Phật Giáo Tây Tạng lưu truyền bản **Địa Tạng Trường Chú** tương đương với bản bên trên là:

CHHIMO BHO CHHIM BHO CHIM CHHIM BHO/ AKASHA CHHIM BHO/ VAKARA CHHIM BHO/ AMAVARA CHHIM BHO/ VARA CHHIM BHO/ VACHIRA CHHIM BHO/ SATEVA CHHIM BHO/ SATENI HALA CHHIM BHO/ VIVA ROKA SHAVA CHHIM BHO/ UVA SHAMA CHHIM BHO/ NAYANA CHHIM BHO/ PRAJÑA SAMA MONI RATNA CHHIM BHO/ KSHANA CHHIM BHO/ VISHEMA VARIYA CHHIM BHO/ SHASI TALA MAVA CHHIM BHO/ VI AḤ DRASO TAMA HELE/ DAM VE YAM VE/ CHAKRASE/ CHAKRA VASILE/ KSHILI PHILE KARAVA/ VARA VARITE/ HASERE PRARAVW/ PARECHARA BHANDHANE/ ARADANE/ PHANARA/ CHA CHI CHA CHA/ HILE MILE AKHATA THAGEKHE/ THAGAKHI LO/ THHARE THHARE MILE MADHE/ NANTE KULE MILE/ ANG KU CHITABHE/ ARAI GYIRE VARA GYIRE/ KUTA SHAMAMALE/ TONAGYE TONAGYE/ TONAGULE/ HURU HURU HURU/ KULO STO MILE/ MORITO/ MIRITA/ BHANDHATA/ KARA KHAM REM/ HURU HURU

7_ THỦ ÁN CỦA SÁU VỊ ĐỊA TẠNG

a) Địa Tạng Bồ Tát Căn Bản Ấn:

Đây là Thủ Ấn của Địa Tạng Bồ Tát tại Địa Tạng Viện trong Thai Tạng Giới, có tên gọi là **Kỳ Ấn**

Hai tay tác Nội Phộc, dựng đứng hai ngón giữa cùng đối nhau.



Hai ngón giữa tượng trưng cho hai trang nghiêm của Phước Trí. Tức có nghĩa là: hai tay sinh Phước Trí trao cho tất cả chúng sinh khác. Lại hai ngón giữa dựng đứng như dạng cây cờ cho nên gọi là **Kỳ Ấn**.

Chân Ngôn là:

ॐ नमो भगवते बुद्धाय नमो ॥

NAMAḤ SAMANTA BUDDHĀNĀM HA HA HA VISMAYE SVĀHĀ

[NAMAḤ SAMANTA BUDDHĀNĀM: Quy mệnh khắp cả chư Phật

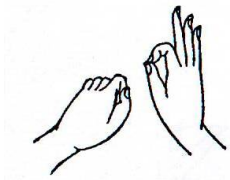
HA HA HA : lia ba Nhân

VISMAYE: Hiểm có

SVĀHĀ: Thành tựu]

b) Bảo Xứ Bồ Tát Ấn:

Tay phải nắm quyền. Duỗi 3 ngón: **út, vô danh, giữa** cho thẳng. Ngón trở vịn đầu ngón cái



Chân Ngôn là:

ॐ नमो भगवते बुद्धाय नमो ॥

NAMAḤ SAMANTA BUDDHĀNĀM HE MAHĀ MAHĀ SVĀHĀ

[NAMAḤ SAMANTA BUDDHĀNĀM: Quy mệnh khắp cả chư Phật

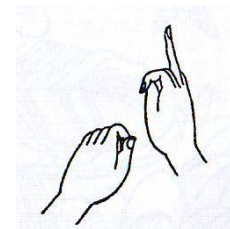
HE: mừng thay

MAHĀ- MAHĀ: sự to lớn bên trong sự to lớn

SVĀHĀ: Thành tựu]

c) Bảo Thủ Bồ Tát Ấn:

Tay phải nắm quyền, đem ngón cái đè các ngón và duỗi ngón vô danh thẳng đứng



Chân Ngôn là:

ॐ नमो भगवते बुद्धाय नमो ॥

NAMAḤ SAMANTA BUDDHĀNĀM RATNA-UDBHAVA SVĀHĀ

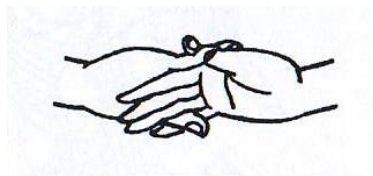
[NAMAḤ SAMANTA BUDDHĀNĀM: Quy mệnh khắp cả chư Phật

RATNA-UDBHAVA: sinh ra báu, tuôn ra vật báu

SVĀHĀ: Thành tựu]

d) Tri Địa Bồ Tát Ấn: (Kim Cương Bộ Tam Muội Gia Ấn)

Tay phải ngửa, tay trái sấp. Bắt chéo ngón cái phải với ngón út trái và ngón út phải với ngón cái trái sao cho ngón cái và ngón út phải hướng xuống dưới, ngón cái và ngón út trái hướng lên trên



Chân Ngôn là:

ॐ नमो सामन्ता बुद्धानाम् धरणि-धारा स्वहा

NAMAḤ SAMANTA BUDDHĀNĀM_ DHARAṆI-DHĀRA_ SVĀHĀ

[NAMAḤ SAMANTA BUDDHĀNĀM: Quy mệnh khắp cả chư Phật

DHARAṆI-DHĀRA: Trì giữ đất đai

SVĀHĀ: Thành tựu]

e) Bảo Ân Thủ Bồ Tát Ân: (Ngoại Ngũ Cổ Ấn)

Chắp 2 tay lại, các ngón đều cài nhau bên ngoài. Duỗi 2 ngón giữa khiến cho đầu ngón dựa nhau. Ngón cái và ngón út đều đứng thẳng. Cong 2 ngón trỏ đặt phía sau lưng 2 ngón giữa sao cho dùng chạm lưng ngón , hình trạng như chày Ngũ Cổ Kim Cương



Chân Ngôn là:

ॐ नमो सामन्ता बुद्धानाम् रत्न निरजा स्वहा

NAMAḤ SAMANTA BUDDHĀNĀM_ RATNA NIRJĀTA_ SVĀHĀ

[NAMAḤ SAMANTA BUDDHĀNĀM: Quy mệnh khắp cả chư Phật

RATNA NIRJĀTA: Sinh ra vật báu

SVĀHĀ: Thành tựu]

f) Kiên Cố Ý Bồ Tát Ân:

Liên Hoa Hợp Chương, hơi cách lia ngón cái ngón trỏ.



Chân Ngôn là:

ॐ नमो सामन्ता बुद्धानाम् वज्र सम्भवा स्वहा

NAMAḤ SAMANTA BUDDHĀNĀM_ VAJRA SAMBHAVĀ_ SVĀHĀ

[NAMAḤ SAMANTA BUDDHĀNĀM: Quy mệnh khắp cả chư Phật

VAJRA SAMBHAVĀ: Sinh ra từ Kim Cương

SVĀHĀ: Thành tựu]

LỤC ĐỊA TẠNG BỒ TÁT PHÁP ĐÀN



_ Trung Tâm Đàn là chữ OM (ॐ) biểu thị cho **Pháp Thân** của Địa Tạng Bồ Tát
_ Tam Giác có đỉnh hướng lên trên hiển hiện ba chữ chủng tử biểu thị cho ba cõi:
A Tu La, Ngạ Quỷ, Thiên Giới

.) Chữ PHAM (ॐ) biểu thị cho **Bảo Án Thủ Bồ Tát** là Hóa Tôn của cõi A Tu La.

.) Chữ SAM (ॐ) biểu thị cho **Bảo Thủ Bồ Tát** là Hóa Tôn của cõi Ngạ Quỷ

.) Chữ NAM (ॐ) **Kiên Cố Ý Bồ Tát** là Hóa Tôn của cõi Trời.

_ Tam Giác có đỉnh hướng xuống dưới hiển hiện ba chữ chủng tử biểu thị cho ba cõi: Địa Ngục, Súc Sinh, Nhân Giới

.) Chữ YAM (ॐ) biểu thị cho **Địa Tạng Bồ Tát** là Hóa Tôn của cõi Địa Ngục

.) Chữ JAM (ॐ) biểu thị cho **Bảo Xứ Bồ Tát** là Hóa Tôn của nẻo Súc Sinh

.) Chữ NAM (ॐ) biểu thị cho **Tri Địa Bồ Tát** là Hóa Tôn của cõi Người

_6 chữ giáp bên trong vòng tròn cho **Hóa Thân** của Địa Tạng Bồ Tát

𑖀𑖀𑖀𑖀 𑖀𑖀𑖀𑖀

HA HA HA VISMAYE

[HA HA HA : lia ba Nhân

VISMAYE: Hiếm có]

_6 chữ bên ngoài vòng tròn biểu thị cho **Báo Thân** của Địa Tạng Bồ Tát

𑖀𑖀𑖀𑖀 𑖀𑖀𑖀𑖀

HA HA HA SUTANU

[HA HA HA : lia ba Nhân

SUTANU: Diệu Thân (thân màu nhiệm)]

*) Ý nghĩa của Pháp Đàn :

Do **Địa Tạng Bồ Tát** dùng sức **Bi Nguyện** cứu độ chúng sinh, nhất là đối với chúng sinh đang chịu khổ tại cõi Địa Ngục, lại đặc biệt thương xót, thị hiện thân **Diêm La Vương** (Yāma-rāja), thân **Địa Ngục** (Nakara-kāya) rộng vì chúng sinh chịu tội khổ mà nói Pháp để giáo hóa cứu độ. Do điều này mà thân Diêm La Vương thường được xem là một **Hóa Thân** (Nirmāṇa-kāya) của Địa Tạng Bồ Tát. Như Kinh **Địa Tạng Bồ Tát Phát Tâm Nhân Duyên Thập Vương** đề xuất **Bản Địa** của Diêm La Vương là Địa Tạng Bồ Tát.

Vì chịu ảnh hưởng sâu xa của tư tưởng này cùng với tư tưởng **Địa Ngục** (Nakara) trong Kinh **Địa Tạng Bồ Tát Bản Nguyện** (Kṣitigarbha-praṇidhāna-sūtra) nên dân gian Trung Hoa cho rằng Địa Tạng Bồ Tát là vị Chủ Tể tối cao của Địa Ngục.

Chính tư tưởng bên trên đã khiến cho một số người ngộ nhận, cho rằng Địa Tạng Bồ Tát chỉ ở tại Địa Ngục để cứu độ chúng sinh trong Địa Ngục. Từ đây trong việc làm tang ma, Thanh Minh tảo mộ qua tiết Trung Nguyên, Pháp Hội Siêu Độ... thường cúng phụng Địa Tạng Bồ Tát để cầu đảo cho vong linh được siêu độ. Ngoài ra tại nghĩa địa, linh tháp hoặc gặp chiến loạn, sự cố, đất đang phát triển mà mọi người đều đi qua.... thường xây dựng Miếu bái tế Địa Tạng với hy vọng Địa Tạng Vương Bồ Tát bảo vệ người sống, siêu độ vong linh

Thật ra ở trong cả sáu nẻo, Ngài đều có năng lực giáo hóa tế độ. Điều đó được biểu thị qua sáu vị Địa Tạng, tức là Địa Tạng độ hóa chúng sinh trong sáu nẻo.

Tên của sáu vị Địa Tạng đều y theo **Thế Giới Sa Bà** (Sāha-loka-dhātu) có chúng sinh trong sáu nẻo mà nói. Thế Giới ở phương khác hoặc có bảy nẻo, hoặc năm nẻo... chẳng giống nhau thời Địa Tạng cũng y theo nhân duyên của mỗi phương để mỗi thị hiện ứng hóa.

.) Danh xưng của Địa Tạng trong sáu nẻo thời các Kinh Quỹ ghi chép chẳng giống nhau. Nhưng theo đại thể mà nói thì đều bắt nguồn ở **Đại Nhật Kinh Sớ**, quyển thứ năm là: Sáu vị Thượng Thủ (Saḍa-pramukha) trong chín Tôn (Nava-nātha) của **Địa Tạng Viện** trong *Thai Tạng Giới* (Garbha-dhātu) tức là: **Địa Tạng** (Kṣiti-garbha), **Bảo Xứ** (Ratnakāra), **Bảo Chưởng** (Ratna-pāṇi), **Tri Địa** (Dharaṇindhāra), **Bảo Ấn Thủ** (Ratna-mudrā-hasta), **Kiên Cố Ý** (Dṛḍhādhyāsaya). Trong đó

Địa Tạng Bồ Tát là Hóa Tôn của cõi Địa Ngục

Bảo Thủ Bồ Tát là Hóa Tôn của cõi Nga Quỷ

Bảo Xứ Bồ Tát là Hóa Tôn của nẻo Súc Sinh

Bảo Ấn Thủ Bồ Tát là Hóa Tôn của nẻo A Tu La

Tri Địa Bồ Tát là Hóa Tôn của cõi Người

Kiên Cố Ý Bồ Tát là Hóa Tôn của cõi Trời.

Ở vô lượng kiếp trước, với tâm Đại Bi vô hạn, Địa Tạng Bồ Tát muốn cứu thoát tất cả chúng sinh ra khỏi biển khổ sinh tử luân hồi, nên đối trước chư Phật mười phương, Ngài phát nguyện rằng: **“Nguyện con cứu độ hết tất cả chúng hữu tình. Nếu còn có chúng sinh nào ở Địa Ngục thì con thề không chứng nhận quả vị Chính Đẳng Chính Giác”**.

.)Cõi Trời (Sura hay Deva) là một cõi thụ hưởng. Trong cõi đó, chư Thiên thường khởi tâm tự mãn và bám chặt vào các ảo tưởng về những niềm vui tạm thời. Do đó, Đức Địa Tạng Bồ Tát hiện thành thân **Kiên Cố Ý Bồ Tát** (Dṛḍhādhyāsaya) biểu thị cho sự **Nội Chứng** của Địa Tạng Bồ Tát là Tâm Đức bền chắc của Đại Địa, đánh thức chư Thiên thoát khỏi những ảo tưởng của phước báo mà họ đang thụ hưởng, đồng thời đưa họ đến một thực tại cao siêu hơn, một sự hòa hợp sâu sắc hơn và vĩnh cửu hơn.



)**Cõi Tu La (Asura)** hay cõi **Thần (Devatā)** là cõi chiến đấu. Trong cõi đó, chư Thần thường khởi tâm ganh tỵ, chỉ thích tranh đấu để chiếm đoạt các quả của cây **Kalpa Taru** (cây Thỏa mãn mọi ước nguyện) đứng giữa cõi Trời và cõi Thần. Do đó, Đức Địa Tạng Bồ Tát hiện thân **Bảo Ân Thủ Bồ Tát (Ratna-mudrā-hasta)** biểu thị cho **Tam Muội Gia Bản Thệ Môn** của Địa Tạng Bồ Tát, cứu tế chúng sinh, dứt trừ các mối dây ràng buộc bởi sự thèm khát, đồng thời dạy cho chư Thần sự chiến đấu cao thượng để đạt thành quả của sự thấy biết mà thoát khỏi mọi tham dục.



.)**Cõi Người** (Manuṣyana hay Nāra) là cõi hành động. Đây là thế giới của sự cố gắng, của hoạt động có ý thức về mục đích của mình, trong đó sự tự do quyết định giữ một vai trò thiết yếu. Trong cõi này, con người có khả năng biết rõ các đặc tính của các cõi và tất cả hiện tượng đều do “*Nhân duyên mà sinh khởi*” như nhau, đồng thời con người có thể tìm ra được bản tính chân thật của vũ trụ và nhận thức được con đường vĩnh viễn ra khỏi vòng sinh tử luân hồi. Tuy vậy, đại đa số con người thường mang tâm: tự kiêu, ích kỷ, hoài nghi mà bị trói buộc trong các hoạt động nhằm tìm cầu chiếm hữu và thỏa mãn dục tình cho riêng mình. Do đó, Đức Địa Tạng Bồ Tát hiện ra hình tướng **Tri Địa Bồ Tát** (Dharaṇindhāra) biểu thị cho Đức đặc biệt giống như Đại Địa hay giữ gìn vạn vật, nuôi lớn **Tâm Bồ Đề** (Bodhi-citta) của chúng sinh nhằm chỉ bày con đường giải thoát cho những ai có khả năng xóa bỏ mọi dục vọng tư kỷ, dứt trừ tâm kiêu mạn hoài nghi, thực hiện công hạnh cứu độ tối hậu.



.)**Cõi Súc Sinh** (Tiryanc hay paśu) là cõi sợ hãi. Trong cõi đó, các loài vật thường mang tâm thức thờ ơ gắn chặt với bản năng, không đủ năng khiếu phát triển tư tưởng. Vì thế, chúng luôn luôn sống trong sự sợ hãi qua sự đuổi bắt, vây hãm, ăn nuốt lẫn nhau và bị đẩy vào số phận mù quáng của những nhu cầu tự nhiên, những bản năng không thể kiểm soát được. Do đó, Đức Địa Tạng Bồ Tát hiện thân **Bảo Xứ Bồ Tát** (Ratna-kalā, hay Ratnākara) biểu thị cho việc dùng lòng bàn tay tuôn ra **mọi báu** (Trí Tuệ) ban bố cho chúng sinh, nhằm nâng cao Tâm thức trì độn mù quáng của loài súc sinh để hướng chúng tới một tinh thần phát triển, vượt thoát bản năng tầm tối.



.)**Cõi Ngạ Quỷ** (Preta) là cõi ước mong không được thỏa mãn. Là thế giới đầy dẫy sự thèm khát mong muốn tham dục mà không bao giờ thực hiện được. Chúng sinh trong cõi này thường mang những hình tướng quái dị như: thân thể cao lớn, đầu to như núi, cuống họng nhỏ như cây kim, đầu tóc lởm chởm, miệng như ngọn đuốc lửa, bụng to lớn dù gặp vật thực cũng chẳng ăn nuốt được. Hoặc có loài da đen như than, đầu tóc lởm chởm, miệng khô đắng, ưa le lưỡi tự liếm miệng, thường chịu đói khát. Hoặc có loài tên là Mãnh Diễm Mang, mỗi khi ăn uống đều bị hóa lửa đốt làm cho đói khát khổ đau.

Tất cả loài Ngạ Quỷ này đều bị đói khát dày vò không bao giờ được thỏa thích no đủ. Vì thế, tâm thức của chúng gắn chặt với sự tham dục đăm mê không biết nhàm chán và luôn bị sự thất vọng dày xéo bủa vây. Do đó, Đức Địa Tạng Bồ Tát liền hiện thân **Bảo Thủ Bồ Tát** (Ratna-pāṇi) biểu thị cho việc dùng viên ngọc báu Như Ý của Tâm Bồ Đề thanh tịnh hay thành mãn Tất Địa của Thế Gian và Xuất Thế Gian, nhằm xoa dịu những nỗi khổ đau vì thèm khát của loài Ngạ Quỷ, khơi động Tâm Thức nhàm chán những đối tượng nhiễm ô và khởi Tâm ưa thích những đối tượng thanh khiết (nghĩa là thay Dục Lạc bằng Pháp Lạc, tìm hiểu Chính Tri Kiến và Chân lý) để cho chúng mau chóng hồi tâm sám hối, vượt thoát cảnh khổ đau.



)**Cõi Địa ngục** (Nāraka hay Niraya) là cõi hành hạ đền tội. Đó là thế giới đầy đầy những cảnh khổ đau qua những cuộc hành hạ tra tấn. Chúng sinh của cõi này luôn luôn chịu đựng những nỗi thống khổ, là những phản ảnh không thể tránh được do chính các hành động của họ gây ra. Vì thế, tâm thức của họ luôn bị sự giận dữ oán ghét bủa vây. Do đó, Đức Địa Tạng Bồ Tát hiện thân Bồ Tát, tay trái cầm hoa sen, trên hoa có cây phướng báu Như Ý. Tay phải cầm viên ngọc báu, ngồi trên hoa sen. Biểu thị cho Đại Nguyện **Nhẫn Nhục, Tinh Tiến** cứu độ tất cả chúng sinh: **“Địa Ngục chưa trống rỗng, thề chẳng thành Phật”**, nhằm thanh lọc Tâm Thức bị ô nhiễm bởi sự giận ghét và biến đổi các cuộc hành hình tội nhân thành ngọn lửa thanh lọc để giúp họ vươn tới những hình thức sinh sống tốt đẹp hơn.



Do công hạnh ứng hóa trong sáu cõi (Saḍa gatayaḥ hay saḍa Kula) để hóa độ chúng sinh nên **Lục Địa Tạng Pháp Đàn** có hiệu quả đặc biệt nhằm tịnh hóa 06 phiền não gốc (*ảo tưởng kiêu mạn, ganh tỵ tranh đấu, hoài nghi tự kiêu, trì độn mù quáng, tham dục thèm khát, giận dữ oán hận*) để ngăn ngừa sự tái sinh vào 06 cõi và xua tan các nỗi khổ đau ẩn tàng trong mỗi cõi, đồng thời giúp cho Hành Giả thực chứng được **Thánh Quả** giải thoát.

LỤC ĐỊA TẠNG MAN ĐA LA



Kính Lễ Đấng Đại Từ Địa Tạng

Bao nhiêu đời gom chứa căn lành
Vượt vô số kiếp nhọc nhằn
An nhiên cứu độ muôn ngàn chúng sinh
Tay **Tích Trọng** chấn hưng Phật Pháp
Tay **Bảo Châu** phá chướng trừ mê
Độ trì **sáu nẻo** u mê
Hồi tâm tỉnh giác quay về **Pháp Thân**
Tự tìm thấy Tâm như kho báu
Khai phá xong huân tập căn lành
Vượt muôn Tâm Tính hữu tình
Thanh Văn, Duyên Giác chứng thành Phật thân
Nay con xin cúi đầu kính lạy

Nguyện hành theo giáo huấn của Ngài
Xung dương công hạnh sáng ngời
Giúp con mau chóng xa rời tử sinh

**NAM MÔ ĐẠI BI ĐẠI NGUYỆN ĐẠI THÁNH ĐẠI TỪ BẢN TÔN ĐỊA
TẠNG VƯƠNG BỒ TÁT MA HA TÁT (3 lần)**

**NAMAḤ KṢITI-GARBHĀYA MAHĀ-MAṆḌALA-RĀJĀYA OM
ŚUMBHA NIŚUMBHA HĀRA CARA, MAHĀ-PĀŚĀ MĀRUTA AMOGHA
VAJRA-SATTVA SVĀHĀ (3 lần)**

_ Nam mô **Hóa Tôn Địa Ngục Đạo ĐẠI ĐỊNH TRÍ BI ĐỊA TẠNG BỒ TÁT**.
Nguyện xin **Thánh Địa Tạng Vương Bồ Tát** giúp cho con mau chóng dứt trừ các tâm
ý: giận dữ, oán hận và xa lìa được các **KHỔ, CHƯỚNG, HOẶC** trong **Địa Ngục Giới**.

_ Nam mô **Hóa Tôn Ngạ Quỷ Đạo. ĐẠI ĐỨC THANH TỊNH ĐỊA TẠNG BỒ
TÁT**. Nguyện xin **Bảo Thủ Bồ Tát** giúp cho con mau chóng dứt trừ các tâm ý: tham
dục, thèm khát và xa lìa được các **KHỔ, CHƯỚNG, HOẶC** trong **Ngạ Quỷ Giới**.

_ Nam mô **Hóa Tôn Súc Sinh Đạo ĐẠI QUANG MINH ĐỊA TẠNG BỒ TÁT**.
Nguyện xin **Bảo Xứ Bồ Tát** giúp cho con mau chóng dứt trừ các tâm ý: trì độn, mù
quáng và xa lìa các **KHỔ, CHƯỚNG, HOẶC** trong **Súc Sinh Giới**.

_ Nam mô **Hóa Tôn A Tu La Đạo THANH TỊNH VÔ CẦU ĐỊA TẠNG BỒ
TÁT**. Nguyện xin **Bảo Ấn Thủ Bồ Tát** giúp cho con mau chóng dứt trừ các tâm ý:
ganh tỵ, tranh đấu và xa lìa các **KHỔ, CHƯỚNG, HOẶC** trong **A Tu La Giới**.

_ Nam mô **Hóa Tôn Nhân Gian Đạo ĐẠI THANH TỊNH ĐỊA TẠNG BỒ TÁT**.
Nguyện xin **Trì Địa Bồ Tát** giúp cho con mau chóng dứt trừ các tâm ý: hoài nghi, tự
kiêu và xa lìa các **KHỔ, CHƯỚNG, HOẶC** trong **Nhân Gian Giới**.

_ Nam mô **Hóa Tôn Thiên Đạo ĐẠI KIÊN CỐ ĐỊA TẠNG BỒ TÁT**. Nguyện
xin **Kiên Cố Ý Bồ Tát** giúp cho con mau chóng dứt trừ các tâm ý: ảo tưởng, kiêu mạn
và xa lìa các **KHỔ, CHƯỚNG, HOẶC** trong **Thiên Giới**.

OM YAMĀYA A VIRĀ HŪM KHAM SVĀHĀ

OM ṢAM RATNA-UDBHAVA SVĀHĀ

OM JAM HE MAHĀ-MAHĀ SVĀHĀ

OM PHAM RATNA NIRJĀTA SVĀHĀ

OM NAM DHARANI-DHĀRA SVĀHĀ

OM NAM VAJRA SAMBHAVA SVĀHĀ

(3 lần)

_ Nam mô **Hóa Tôn Lục Đạo ĐẠI NGUYỆN ĐỊA TẠNG VƯƠNG BỒ TÁT**.
Nguyện giúp cho con mau chóng dứt trừ mọi Tâm Tính hữu tình, vượt thoát 6 nẻo luân
hồi, thực chứng mùi vị an lạc giải thoát.

OM PRAMAṆI-PATI SVĀHĀ

OM HA HA HA VISMAYE SVĀHĀ

OM HA HA HA SUTANU SVĀHĀ

(3 lần)

_ Nam mô **Đại Nguyện Địa Tạng Vương**

Nguyện con lìa hẳn ba nẻo ác

Nam mô Đại Nguyện Địa Tạng Vương

Nguyện con mau dứt Tham Sân Si

Nam mô Đại Nguyện Địa Tạng Vương

Nguyện con siêng tu Giới Định Tuệ

Nam mô Đại Nguyện Địa Tạng Vương

Nguyện con thường tùy các Phật Học

Nam mô Đại Nguyên Địa Tạng Vương

Nguyên con chẳng thoái Tâm Bồ Đề

Nam mô Đại Nguyên Địa Tạng Vương

Nguyên con quyết định sinh An Nhân

Nam mô Đại Nguyên Địa Tạng Vương

Nguyên con mau được thọ Thánh Ký

Nam mô Đại Nguyên Địa Tạng Vương

Nguyên con phân thân khắp các cõi

Nam mô Đại Nguyên Địa Tạng Vương

Nguyên con rộng độ các chúng sinh

-Nam mô **Diêm Ma Vương** sứ giả (10 lần).

-Nam mô **Trì Bảo Đồng Tử** (10 lần).

-Nam mô **Đại Lực** sứ giả (10 lần).

-Nam mô **Đại Cát Thiên Nữ** (10 lần).

-Nam mô **Bảo Tạng Thiên Nữ** (10 lần).

-Nam mô **Thiện** (xử phạt đúng đắn) **Thiên sứ giả** (10 lần).

-Nam mô **Kiên Lao Địa Thần hộ pháp** (10 lần)

-Nam mô **Thập phương thường trụ chư vị Hộ Pháp** (10 lần).

Hồi Hương:

Nguyên đem Công Đức này

Tiêu trừ nghiệp xưa nay

Tăng trưởng các Phước Tuệ

Viên thành căn Thánh Thiện

Bao nhiêu kiếp đao binh

Cùng với nạn đói khát

Đều tiêu sạch không còn

Nhân danh tập lễ tán

Tất cả giúp thành người

Người xoay chuyển lưu thông

Quyển thuộc nay an lạc

Tiên vong được siêu thăng

Mưa gió thường thuận hòa

Nhân dân đều Khang Ninh

Pháp Giới các hàm thức

Đồng chứng đạo Vô Thượng

Thần Chú Tăng đức hạnh:

OM_ SAMBHARA SAMBHARA VIMANA AKṢARA MAHĀ-VAJRA
HŪM

OM_ SMARA SMARA VIMANA AKṢARA MAHĀ-VAJRA HŪM

(3 lần)

Bổ Khuyết Chân Ngôn:

OM_ DHURU DHURU _ JAYE MUKHE _ SVĀHĀ (3 lần)

☐ Lễ văn:

Trì tụng công đức thù thắng hạnh

Vô biên thắng phước đều hồi hướng

Nguyện khắp chúng sinh đang chìm đắm

Mau lìa khổ não chúng Bồ Đề

NAM MÔ THẬP PHƯƠNG THƯỜNG TRỤ TAM BẢO (3 lần_9 lay)

20/02/2017